

NĂM THỨ 2

Số 21

Tháng Mai

và Juin 1936

VIENAM

音

圓



寰宇蒙黨

學學會

刊月會學

Nguyệt-San Phạt-Học

Nam mô bốn-sư

# Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI ĐẠO-SƯ

Diệu-Đế tự Trù-Tri: Giác-Tiên

Túy-Ba tự Trù-Tri: Giác-nhiên

} Duyệt-y

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế: Lê-đình-Thám

## MỤC LỤC

### I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

—Đối với trò đời (VIÊN-ÂM) . . . . . 3

### II. — NGÔN LUẬN

—Trách-nhiệm của Tăng-bảo đối với xã-hội (Châu-Hải) . . . . .

### III. — NGHIÊN-CỨU

—Nghiên-cứu về số-luận (Tịnh-Như). . . . . 12

### IV. — KINH HỌC

—Đại-ý kinh Thủ-Lãng-Nghiêm (tiếp theo) (V. A). . . 19

—Kinh Thủ-Lãng-Nghiêm tiếp theo (V. A) . . . . . 21

### V. — LUẬN HỌC

—Bát-thức qui-cũ tụng (tiếp theo) (V. A) . . . . . 28

Câu chuyện phu-nữ (D. K). . . . . 34

Chuyện nâng Liên-Hoa (Đôn-Hậu). . . . . 41

### VI. — PHIÊN NÃO TỨC BỒ ĐỀ

— Vô ngã (Cửu Giới). . . . . 44

VII. — THI-LÂM. . . . . 47

VIII. — Thập phương lai cáo. . . . . 50

IX. — Thơ từ vãng lai. . . . . 52

X. —Việc Hội An-Nam-Phật-Học. . . . . 57



AKT



# QUYỀN ĐÁU NGŨ'

## Đối với trò đời

Về đời đức Tự-Đức, một ông cử ở nhà quê mới đỗ Tấn-sĩ, nhờ văn hay chữ tốt được vua ban khen và cho châu xem hát bội trong Duyệt-thị. Vua lại ban cho được phép cầm trống chầu thưởng cho con hát. Vợ tuồng hôm ấy là vợ tuồng «*Tống-Nhạc-Phi*». Người kép hát sắm vai Tần-Cối rất đúng mực, nịnh từ giọng cười tiếng nói cho đến chừng tay bộ dạng, làm cho ông Tấn-sĩ mới tuởng thiệt, nổi giận đùng đùng, cầm roi chầu xông vào sân-khấu đập tên kép hát lờ máu óc. Các quan lên can mà ông còn hết sức dăng xé, quyết đánh cho chết thẳng nịnh là thẳng Tần-Cối. Một hồi lâu, ông mới tỉnh lại, biết là tuồng hát thì hối hận vô cùng, cắt máo đi chân đến phục tội trước Ngai rồng. Đức Tự-Đức biết ông là người quê mùa và thương tài học của ông nên cũng rộng lòng tha thứ. Tuy ông Tấn-sĩ mới được vua tha tội, song trong bạn đồng-liều, ông đã mang tiếng là một người không biết chuyện, nhận giả làm thiệt.

Đối với trò đời, hạng người như ông Tấn-sĩ mới kia số kẻ không xiết, chỉ tiếc rằng không biết sớm tự tỉnh như ông ấy thôi.

Chúng ta vì vô minh nghiệp-chương luân-hồi mãi mãi trong sáu đường, hết thân này đến thân sau, nào khác chi một anh kép hát đóng tuồng trên sân-khấu. Khi thì làm đàn-bà, khi thì làm đàn-ông, khi thì làm thiên-thần, khi thì làm quỷ-súc, đóng vai nào thì theo vai ấy, cũng vui cũng khổ, cũng khóc cũng cười, mà rốt cuộc có cái thân nào chắc là thân của mình đâu. Trong đường luân-hồi, chúng ta đã đóng biết bao nhiêu vở tuồng, chỉ vì

chúng ta mê lắm không biết là chúng ta đóng tuồng nên khi chúng ta đóng vai Tần-cối cũng tự nhận mình là Tần-Cối, đóng vai Nhạc - Phi cũng tự nhận mình là Nhạc - Phi, gặp thuận - cảnh cũng hơn hờ kiêu-cãnh, gặp nghịch-cảnh cũng khóc than buồn-giận, không lúc nào biết tự tỉnh. Vậy đối với trò đời, so với những anh kếp hát tự biết mình giả sắm vai tuồng, chúng ta thua đã đành; mà so với ông Tấn-sĩ mới đã sớm biết tự tỉnh kia, chúng ta cũng còn thua nhiều lắm.

Nhơn-sanh giả dối, thế-sự vô-thường, nếu chúng ta giác-ngộ được cái trò đời, thì đối với chúng ta, vui cũng không phải thiệt vui, buồn cũng không phải thiệt buồn, giàu sang không phải thiệt giàu sang, nghèo hèn không phải thiệt nghèo hèn, dầu đóng vai gì đi nữa mà ta vẫn là ta, không bao giờ thay đổi.

Cái tánh không thay đổi đó là cái gì, xin ai ai hãy gắng mà nhận cho rõ.

VIÊN-ÂM



## Phật-học Thiên-Đàm



là một quyển sách của những người  
sơ-ơ muốn tu học Phật-pháp.

Mỗi quyển 0\$05, 10 quyển 0\$40

CÓ BÁN TẠI TÒA SOẠN VIÊN-ÂM — HUẾ

## Trách-nhiệm của Tăng-bảo đối với xã-hội

Một người theo đạo Phật trước hết phải qui-y Tam-bảo. Qui-y Tam-bảo là qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng.

Qui-y Phật là một lòng qui-ngưỡng nơi đức Phật là bậc đại-giác, chứ không qui-y với những bậc chưa giác-ngộ, dầu là trời, là thần, là tiên, là quỷ. Qui-y Pháp nghĩa là qui y với cái pháp mà Phật đã chỉ dạy, chứ không qui-y với những thuyết không hiệp chánh-lý. Qui-y Tăng là qui-y với các ông thầy tu hành đúng đắn theo Phật-pháp chứ không qui-y với những kẻ xúi giục làm điều không đúng lý hay làm điều trái phép.

Trong Tam-bảo, đối với Nhơn-loại hiện thời, Tăng-bảo có quan hệ trực-tiếp hơn hết. Vì sao? vì hiện nay Phật đã nhập-diệt, dầu còn di-tượng để lại cho chúng sanh cúng dường, song phần nhiều chúng sanh tuy cúng dường tượng Phật nhưng vị tất đã biết thế nào là Phật. Còn Phật-pháp thì hiện có ba tạng kinh điển, không phải là không đủ tài liệu cho người nghiên-cứu; song lý nghĩa trong kinh điển rất huyền-diệu cao xa, nếu không có minh-sư chỉ dạy thì khó bề rõ thấu. Mà những người chỉ dạy cho chúng sanh biết thế nào là Phật, chỉ dạy cho chúng sanh biết nghĩa lý trong các kinh Phật là ai, chính là Tăng-bảo của đạo Phật vậy.

Tăng-bảo của đạo Phật có những trách-nhiệm to tát như trên nên dầu những bậc chưa siêu phàm nhập thánh, cũng được liệt vào ngang hàng với Phật-bảo, Pháp-bảo, để cho chúng sanh qui-ngưỡng; điều ấy xét ra cũng không phải là quá đáng vậy.

Hiện nay có người tuy tin Phật-bảo, tin Pháp-bảo mà không biết qui-y Tăng-bảo, hoặc miệt thị Tăng-bảo nữa, điều ấy rất sai lầm, cần phải bỏ-cứu.

Như có người nói : chúng tôi tin đạo Phật là vượt qua các hàng ông thầy mà tin, chớ Tăng-bảo của đạo Phật thiết không đáng làm cho người đời phát lòng tin-nguỡng. Họ viện lẽ rằng : « Phàm trong một xã-hội, ai ai cũng cần phải lãnh một phần sự dễ chung lo đường sanh-hoạt của toàn thể. Người làm ruộng thì mở mang đất cày, người đi buôn thì khoách-trương thương - trường, người làm quan thì giúp việc trị-an, người làm thợ thì đào tạo khí dụng, những hạng người ấy đều có ích cho xã-hội cả. Đến như các ông thầy tu thì cả đời tránh sự ăn làm, tìm nơi ẩn dật, đã không giúp ích việc gì cho xã-hội lại còn bày đặt những chuyện thần phật quỷ bắt đề dọa nạt kẻ lương thiện, nào cũng sáo tụng tụng, nào lộng mồm đốt kho, lợi dụng những lúc nguy cấp của người mà làm cái kế sanh nhai của mình, thiết rõ là ký-sanh-trùng của xã-hội, chỉ biết ăn chớ không biết làm việc. »

Muốn dắt dìu những hạng người trên kia cho khỏi cái tội, hũy báng Tăng-bảo, chúng ta cần phải chỉ rõ cái trách nhiệm của Tăng-bảo đối với xã-hội để cho ai ai cũng nương theo đó mà lựa chọn bực Tăng-bảo chơn chánh của đạo Phật, riêng ra với những kẻ giả dối tu hành, lợi dụng Phật-pháp.

Trong đạo Phật ai đã học một vài bài nhật tụng cũng đã biết rằng người nào cũng phải hằng ngày nhớ đến tứ-ân là bốn cái ơn lớn (ơn vua trước, ơn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn Tam-bảo) mà lo phương báo đáp.

Thế thì người tu hành theo đạo Phật quyết định phải đền trả bốn ơn, mà trong bốn ơn đó, ơn chúng sanh tức là cái ơn của xã-hội nhưn-quần vậy.

Song Tăng-bảo của đạo Phật đền ơn của nhưn-quần xã-hội bằng cách nào, đều ấy chúng ta cần phải nghiên-cứu.

Xét ra trong xã-hội, đều cần yếu nhất là mưu sự sanh-tồn cho nhưn-loại. Muốn mưu sự sanh-tồn, xã-hội cần phải có những cơ quan để lo về đồ ăn, đồ mặc và chỗ ở, nghĩa là có những hạng người chuyên về mặt nông, công,

thương. Song có các đồ ăn mặc và chỗ ở, cũng chưa phải là đủ, vì nếu nhơn-loại đau ốm không có thuốc chữa thì cũng khó bề tồn-tại. Vậy xã-hội lại cần phải có các nhà bác-học tìm những phương thuốc cứu bịnh cho loài người, có những cơ-quan về y-chánh, về vệ-sanh, có các ông thầy thuốc để thiệ hành những chỗ kinh-nghiệm của các nhà bác-học. Xã-hội lại còn phải có các nhà sáng-tạo những mỹ-thuật để mua vui cho nhơn-loại, các nhà sáng-tạo những máy móc để cho nhơn-công làm được nhiều việc mà khỏi sự mệt nhọc và nhiều nhà sáng-tạo khác nữa. Đó là nói về thể-dục.

Song mục đích của các nhà bác-học, các nhà kỹ-sư, các nhà y-sĩ, xã-hội cần phải đào-tạo tri-thức của loài người về các phương-diện ấy mới được. Huống nữa loài người giao-thiệp cùng nhau ở trên quả địa-cầu này, lắm nỗi khó khăn phức-tạp; nếu không đủ tri-thức thời khó bề liên hiệp các bộ phận để chung lo sự sanh-tồn của nhơn-loại. Vì vậy nên cần phải có các nhà chánh-trị-học, luật-học vân vân làm cơ-quan liên- hiệp và giữ gìn trật-tự. Lại nữa, loài người đối với những sự tai nghe mắt thấy, những điều tai biến lý kỳ trong thế-giới này cần phải xét tìm cho tột nguồn tột gốc để tránh những sự hại và thâu góp những điều lợi ích và nhưt là để giải quyết những cái nghi án nó làm cho tâm-trí chúng ta phải ngẫn ngờ uất ức, vì đó mà xã-hội cần phải có tri-dục.

Song nếu loài người thân-thể mạnh-mẽ mà chỉ hằng ngày lo cướp giựt đánh đập lẫn nhau, nếu loài người có tri-thức mở mang mà hằng ngày chỉ lo gạt găm phỉnh phờ nhau, không ai biết giữ boun phận của mình thì nhơn-loại cũng khó bề sanh-tồn một cách mỹ-mãn. Vì vậy nên trong xã-hội lại cần phải có những cơ-quan để dạy nhân-loại về mặt đạo-đức, khiến cho nhân-loại biết thương yêu nhau, kính mến nhau, biết giữ boun phận, biết bỏ sự lợi riêng của cá-nhơn mà lo sự lợi ích chung cho mọi người mới được. Những cơ-quan ấy tức là những cơ-quan của đức-dục.

Thế-dục, trí-dục, đức-dục là ba đều rất cần yếu cho sự sanh-lớn mỹ-mãn của Nhơn-loại. Về mặt đào-tạo hạnh-phúc của Nhơn-loại, đức-dục là một cơ-quan rất cần yếu; ngoài đức-dục ra, Nhơn-loại không thể có hạnh-phúc, hơn nữa là một mặt đức-dục cũng đủ đào-tạo hạnh-phúc cho Nhơn-loại.

Nghe như thế chắc có người cho là thái quá, nhưng chúng ta hãy xét về phần thế-dục tuy cũng cần thiết thiệt, song các loài cầm-thú không có tổ-chức, không biết dự-trữ như loài người nó cũng còn không mấy khi đến nỗi chết đói chết lạnh thay huống nữa là Nhơn-loại, thế thì dầu Nhơn-loại không có máy móc di nữa, chắc cũng sống đến nỗi thiệt thiếu về đồ ăn mặc và chỗ cư xứ; mà đã không thiếu đồ ăn mặc, không thiếu chỗ cư xứ thì chẳng những thế-dục, mà cái trí-dục để sáng-tạo máy móc kia cũng không đến nỗi cần thiết cho lắm.

Nói như vậy chẳng phải là muốn cho thế-dục và trí-dục của Nhơn-loại thối-hóa đâu, song chúng ta cũng nên biết rằng hai đều đó tuy có lợi ích nhưng không phải thiệt là cần yếu.

Còn về chuyện ăn ở cực khổ hay là sung sướng, thì cực khổ hay sung sướng là do nơi tâm mình. Trong tâm mình còn tham thì ăn ở thế nào cũng không vừa ý, trong tâm mình không tham thì cơm hút nhà dột cũng thõa lòng, nếu loài người còn tham thì dầu vật-chất đầy đủ đến đâu đi nữa cũng vẫn nghĩ là thiếu thốn, làm sao chắc được sung sướng. Trái lại nếu đức-dục mở mang làm cho mọi người đều biết bỏ lòng tham-dục thì Nhơn-loại quyết định hưởng được cái hạnh-phúc rất to tát ra ngoài các vật-chất.

Vậy đức-dục là một sự cần yếu nhất cho Nhơn-quần xã-hội; nếu không đức-dục thì thân-thể càng mạnh, sự xung đột lại càng dữ, trí-thức càng rộng, cơ-quan sát hại lại càng lắm, rồi cuộc trong gia-đình thì cha con vợ chồng anh em xấu xé nhau, trong một nước thì phe này đặng khá

tàng hại nhau, trong thế-giới thì nước này nước khác chiến-đấu cùng nhau, nhơn-loại có cơm chưa chắc đã được ăn, có nhà chưa chắc đã được ở, có chi đâu mà gọi là hạnh-phúc.

Đức-dục đối với nhơn-quần xã-hội hệ-trọng đến thế, nên đức Bồ-nhơn chúng ta là đức Phật Thích-Ca trong lúc hiện sinh ở Ấn-Độ chỉ một mặt tuyên truyền chánh-pháp để cải-tạo cái tâm tham sân si của chúng sanh hóa thành cái tâm từ-bi của chư Phật. Ngài đã biết rõ rằng nếu đức-dục kém hèn, thì dầu thế-dục với trí-dục mở mang đến đâu và nhơn-loại cũng khó bề tránh khỏi các sự khổ-não.

Người có thế-dục trí-dục hoàn toàn mà không có đức-dục thì không khác nào một người cầm cái dao sắc mà tâm-tánh điên-cuồng, táo-bạo, đã hại cho người mà lại hại cho mình chứ không ích gì cho nhơn-loại cả.

Đức Phật Thích-Ca đã lấy cái đức-dục của chúng sanh làm mục-dịch thì cái trách-nhiệm về phần đức-dục của xã-hội quyết định là cái trách-nhiệm của Tăng-bảo đạo Phật. Vậy Tăng-bảo đạo Phật là các ông thầy dạy về xã-hội về mặt đạo-đức, đặc biệt sự thiệ-t-hành đạo-đức cho người lớn, đào-tạo cái tinh-thần đạo-đức cho trẻ con, sửa các tâm dữ hóa ra tâm lành, sửa những người ích-kỷ trở nên người bác-ái. Xã-hội càng tham sân si bao nhiêu thì cái trách-nhiệm của Tăng-bảo đạo Phật lại càng trọng yếu bấy nhiêu; cái trách-nhiệm xã-hội đức-dục ấy, trong toàn-thê Tăng-đồ ai ai cũng phải nhận là trách-nhiệm mà gắng sức đơm đương; nếu không đơm đương cái trách-nhiệm ấy thì chính mình đã không phải là môn-đồ của đức Thích-Ca huống nữa là đệ-hàng Tăng-bảo của đạo Phật.

Có người lại nghĩ rằng: « Đức-dục vẫn là một điều cần yếu cho nhơn-quần xã-hội, song hiện nay đã có các nhà giáo-dục thế-gian lãnh cái trọng trách dạy người về đạo-đức luân-lý rồi, cần gì phải có Tăng-bảo của đạo

Phật». Nói như vậy là chưa đúng lý, vì đức-dục đã là một sự cần yếu thì dầu trong xã-hội thêm hàng Tăng-bảo đạo Phật để chuyên dạy về mặt ấy, tương lại càng nay, có đều gì phải nghi ngại.

Huống nữa về thể-dục, trí-dục hay đức-dục, các ông thầy chẳng những phải chỉ dạy mà lại cần phải thiết hành thời những sự chỉ dạy kia mới có kết-quả. Các nhà giáo-dục thế-gian tuy có dạy bảo về đạo-đức luân-lý nhưng phần nhiều sự thiết-hành còn kém thiếu nên ảnh-huống quyết định không bằng Tăng-bảo của đạo Phật.

Muốn gánh vác cái trách-nhiệm <sup>đức</sup> đức-dục <sup>đạo</sup> đạo-đức của Tăng-bảo đạo Phật cần phải hằng ngày xiêng-đương đạo-đức về khẩu-nghiệp, thân-nghiệp và ý-nghiệp nghĩa là cần phải đủ cả khẩu-giáo, thân-giáo và ý-giáo.

Thế nào là khẩu-giáo? Khẩu-giáo là dạy bằng lời nói. Tăng-bảo đạo Phật cần phải tùy theo cơ-duyên của mỗi người mà chỉ vẽ chơn-lý để cho ai cũng biết đều đủ mà tránh, biết đều lành mà làm, ai ai cũng biết những điều tham sân si là nguồn gốc các sự khổ, lối tu hành giải-thoát là nguồn gốc các sự vui, để cho ai ai cũng bớt nỗi tư-tâm, lo đều hạnh-phúc chung cho nhơn-loại.

Còn thân-giáo là chi? Thân-giáo nghĩa là lấy chỗ cũ-động đúng với đạo đức của thân mình mà làm gương cho người. Như dạy người qui-y Tam-bảo thì chính mình phải qui-y Tam-bảo, dạy người giữ giới, thì chính mình phải giữ giới, dạy người tu trí siêng năng thì chính mình cũng phải siêng năng tu trí, dạy người bỏ tư-tâm và thương đời, thì chính mình cũng bỏ tư-tâm và thương đời, nhất nhất các việc hành-động của Tăng-bảo đạo Phật đều phải hiệp với đạo-đức, thì lời dạy của Tăng-bảo mới được nhiều ảnh-huống. Tăng-bảo đạo Phật lại còn phải giữ uy-nghi cho tề chỉnh, hạnh nghiệp cho thuần-thục để cho khỏi các điều dị nghị. Nói tóm lại, Tăng-bảo đạo Phật thiết-hành câu « chư ác mặc tác, chúng thiện phụng hành » tức là đem cái thiện-nghiệp mà dạy cho đời vậy.

Còn ý-giáo là chi? Ý-giáo là đem cái ý của mình mà dạy cho người. Người tu hành đã biết tham, sân, si là quấy, vọng-tướng là giả dối thì cần phải tinh-tấn tu hành để dứt trừ tham, sân, si, để tiêu-diệt cho hết cái nguồn gốc vọng-tướng. Người tu hành, đã biết cái lý đồng-thê thì phải mau đổi đức-tánh từ-ôi cho lan khắp cả vũ-trụ. Hằng ngày tu tập như vậy thì định-lực càng lớn không bị phiền-não che lấp, trí-hệ càng sáng không bị giả-tướng xoay chuyển; đạo càng cao, đức càng dày, thời sự dạy về hơn-quần về đạo-đức mới được nhiều hiệu-quả.

Những người tu hành Phật-pháp có hằng ngày lo sự đức-dục của xã-hội như vậy mới thiết là Tăng-bảo của đạo Phật. Tăng-bảo của đạo Phật đã lo một trách-nhiệm rất cần yếu cho hơn-quần xã-hội là lo cái trách-nhiệm đức-dục, thì Tăng-bảo quyết định không phải là những người chỉ biết ăn chớ không biết làm việc. Đối với xã-hội, Tăng-bảo rất có lợi ích, có lẽ có lợi ích hơn các nhà lo về thể-dục và trí-dục thì dầu Tăng-bảo có chịu xã-hội cung cấp mỗi ngày vài bữa cơm chay tương cũng không phải là quá đáng vậy.

Mọi người cần phải tìm các bậc chơn-chánh Tăng-bảo đã gánh vác trách-nhiệm đức-dục như trên mà quy-đề cho được nhiều lợi ích trên con đường đạo-đức, chớ không nên vì những kẻ giả dối tu hành mà hủy-báng Tăng-bảo đạo Phật.

CHÂU-HẢI



# NGHIÊN CỨU

## NGHIÊN-CỨU VỀ SÔ LUẬN 數論

Sô-luận là một phái ngoại-đạo rất thanh-hành ở Ấn-Độ trước khi Phật hóa-sanh.

Lắm người học Phật thấy trong kinh điển bát Sô-luận là tà-ngoại không hiệp chánh-lý, khi đến khi nghiên-cứu Sô-luận thì thấy trong đó có nhiều ~~điều~~ <sup>điều</sup> tưởng Phật-pháp, làm cho tâm-trí sanh ra nghi ngờ, chẳng rõ thế nào là tà, thế nào là chánh. Nguyên-nhơn của sự nghi ngờ như trên là vì không rõ Sô-luận hoặc không rõ Phật-pháp; không rõ Sô-luận thì nhận lầm Sô-luận là Phật-pháp, không rõ Phật-pháp thì nhận lầm Phật-pháp là Sô-luận, cái hại hiểu lầm ấy cần phải bỏ-cứu. Vậy chúng ta nên xét rõ Sô-luận là chi để cho khỏi nhận giả làm chơn, lấy tà làm chánh.

Hiện nay trong xứ ta kinh điển của Sô-luận thì không có, người học Phật chỉ biết nương theo các bộ luận, như bộ Duy-thức thuật-ký, bộ Nhơn-minh-sớ, vân vân, mà nghiên-cứu chớ biết đại khái thôi. Song biết đại khái cũng đủ rõ chỗ sai khác của Sô-luận đối với Phật-pháp. Về sau, nếu đủ các kinh điển của Sô-luận làm tài-liệu mà nghiên-cứu, thì cũng nên tường thuật lại cho rõ ràng hơn nữa.

Trong buổi mật-pháp này, lắm người gặp một thuyết gì lạ lạ đã cho là thâm-diệu, gặp một lý gì hay hay đã cho là vô-thượng; không chịu tham-học lý-nghĩa cho đến nơi đến chốn; bài nghiên-cứu về Sô-luận đây cũng có thể đem họ lên một cảnh-giới khá cao và làm một nấc thang cho họ đi đến chỗ huyền-vi của Phật-pháp. Sau

khi xét rõ lý-thuyết của Số-luận rồi, chúng ta cũng nên suy nghiệm để chỉ-trích những chỗ sai lầm của thuyết ấy.

Nguyên về đời thượng-cổ ở Ấn-Độ có một thầy ngoại-đạo tên là Kiếp-Tỉ La 劫比羅 (Kápila), Tàu dịch là Huỳnh-xích (sắc đỏ vàng). Ông ấy về dòng Bà-La-Môn, râu tóc và da mặt đều là sắc đỏ vàng, nên người đời ấy đặt hiệu ông là Huỳnh-xích-sắc tiên-nhơn, nghĩa là ông tiên sắc đỏ vàng. Sau ông đó, có một người môn-đồ rất giỏi trong phái Số-luận tên là Phiệt-lý-sa 筏里沙 (Và-lý-sa) bày tôn-chỉ, rất nhiều đồ-chúng. Phiệt-lý-sa Tàu dịch là Vũ 雨 nghĩa là mưa, vì ông ấy sanh ra đương trong cơn mưa nên đặt tên như vậy. Đờ-đáng của ông ấy tức là Vũ-chúng ngoại-đạo. Phái Vũ-chúng về sau có người tạo ra bộ luận Tăng-Khư để bày rõ tôn-chỉ nên gọi phái ấy là phái Tăng-Khư 僧佉 (Sàmkhya) Tàu dịch là Số-luận. Số-luận có hai nghĩa : một là vì lấy trí-huệ đo lường nguồn gốc của các pháp nên gọi là Số-luận ; hai là vì chia các pháp ra từng bộ-phận, số mục rõ ràng nên gọi là Số-luận.

Trong phái Số-luận, lúc Phật tại thế đã nhiều bậc Tồ-sư qui đầu Phật-pháp ; nhưng sau khi Phật nhập-diệt chừng 500 năm thì phái Số-luận lại bành-tướng lên. Lúc đó có một ông thầy phái ấy tạo ra một bộ luận 70 hàng tụng, phô bày tôn-chỉ của Số-luận, dâng lên vua nước Kim-Nhĩ 金耳, được vua hoan-nginh, ban cho vàng bạc rất nhiều. Phái Số-luận lấy làm đặc ý, đặt tên bộ ấy là « Kim-thất-thập-luận 金七十論 » và lưu-thông cùng khắp Ấn-độ. Về sau các vị luận-chủ về Tướng-tôn, bất lý-thuyết của Số-luận, đều nương theo theo bộ Kim-thất-thập-luận ấy mà chỉ trích cả.

Theo bộ Kim-thất-thập-luận ấy thì vũ-tru bản-lai vẫn một tánh lơ mờ gọi là minh-tánh 冥性 ; tánh ấy cũng là tánh tự-nhiên nên gọi là tự-tánh 自性. Tự-tánh ấy đối với một cái linh-tri gọi là thần-ngã 神我. Tự-tánh ấy có

ba cái đặc-tánh gọi rằng tam-đức 三德 làm nguồn gốc cho các pháp (muôn sự muôn vật). Khi thần-ngã không phát-niệm thọ-dụng các pháp thì cái công-năng hay sanh các pháp của tự-tánh cũng lặng nép không sanh; đến khi thần-ngã phát-niệm thọ dụng các cảnh thì ba đức của tự-tánh mới chuyển hiển thành ra các pháp; song tuy tự-tánh biến thành các pháp mà tự-tánh vẫn không thay đổi, vì tự-tánh chỉ làm thành cái khác chứ không cần phải có cái khác tạo thành ra vậy.

Ba đức của tự-tánh là: Tát-đỏa, Lặc-xà và Đáp-ma.

1.) Tát-đỏa 瞿埵 (Sattva). — Tát-đỏa của Số-luận-sur ý-nghĩa nhiều lắm, theo tác dụng thì dịch là dũng 勇, nghĩa là mạnh mẽ đeo đuổi, lấy tâm-sở thì dịch là tham 貪, nghĩa là tham luyến ưa mến; theo ví dụ về sắc thì dịch là huỳnh (黃) (sắc vàng); theo trạng-thái thì dịch là minh-thái 明態, nghĩa là cái trạng-thái sáng biệt vậy.

2.) Lặc-xà 刺闍 (Rajas). — Lặc-xà cũng có nhiều nghĩa theo tác dụng thì dịch là trần 塵, nghĩa là lay động ngăn ngại; theo tâm-sở thì dịch là sân 瞋, nghĩa là bất bình táo bạo; theo ví dụ về sắc thì dịch là xích 赤 (sắc đỏ), theo trạng-thái thì dịch là động-thái 動態 nghĩa là cái trạng-thái lay động vậy.

3.) Đám-ma 答摩 (Tamas). — Đám-ma cũng có nhiều nghĩa, theo tác-dụng thì dịch ám 闇 nghĩa là ám-độn không rõ, theo tâm-sở thì dịch là si 癡 nghĩa là si mê, mờ tối. Theo ví dụ về sắc thì dịch là Hắc 赤 (sắc đen), theo trạng-thái thì dịch là ám-thái 闇態 nghĩa là cái trạng-thái mờ tối. Nối tóm lại; tác-dụng động, trần, ám; tâm-sở tham, sân, si; sắc tướng vàng, đỏ, đen; hay trạng-thái minh, động, ám đều là ba đức của tự-tánh, làm nguồn gốc cho các pháp vậy.

Tự-tánh có ba đức đủ sanh cả muôn sự muôn vật, nên khi thần-ngã phát-niệm muốn thọ-dụng các cảnh thì tự-tánh lần lần biến hóa ra đủ các pháp.

Ban đầu tự-tánh biến ra đại-đế 大諦 nghĩa là hiện ra cái tướng rộng lớn cùng khắp; đại-đế cũng có tên là giác 覺, là tưởng 想, là trí 智, là huệ 慧.

Đại-đế quán xét nơi thần-ngã, biết thần-ngã cần phải có, cảnh nên sanh ra ngã-chấp, 我執. Ngã-chấp cũng có tên là ngã-mạn 我慢; vì đại-đế xét biết thần-ngã muốn thọ dụng các cảnh đều nhờ ta biểu ra, nên gọi là ngã-mạn.

Do nơi ngã-mạn mà sanh ra ngũ-uy 五唯. Ngũ-duy là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì duy dụng các cái ấy mà thành ra ~~ngũ-đại~~ đại nên gọi là ngũ-duy.

Ngũ-duy sanh ra ngũ-đại 五大 là hỏa 火, không 空, địa 地, thủy 水, phong 風.

Do ngũ-đại mà thành ra thập nhưt căn 十 一 根 là những căn vì cái ngã mà thọ dụng các pháp. Thập nhưt căn là :

1.) Ngũ-tri-căn 五 知 根 là năm cái căn biết cảnh; nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, bì (bì 皮 nghĩa là da).

2.) Ngũ-tác-nghiệp-căn 五 作 業 根 là năm cái căn làm các sự nghiệp:

a) Ngũ-cụ 語 具 là các cơ-quan để nói phò.

b) Thủ 手 là tay.

c) Túc 足 là chùng.

d) Tiểu-tiện-xứ 小 便 處 là chỗ tiểu-tiện.

e) Đại-tiện-xứ 大 便 處 là chỗ đại-tiện.

3.) Tâm-bình-đẳng-căn 心 平 等 根 tức là cái ý phân biệt, rõ biết cả hoàn-cảnh.

Mười một căn ấy đều do ngũ-đại chung nhau tạo-thành, song về phần ngũ-tri-căn lại có cái nghĩa tạo riêng. Theo nghĩa sau thì sắc-duy biến thành hỏa-đại, hỏa-đại biến thành nhãn-căn, nhãn-căn không thấy hỏa-đại mà thấy sắc, cho đến thanh-duy biến thành không-đại, hương-duy biến thành địa-đại, vị-duy biến thành thủy-đại, xúc-duy biến thành phong-đại, vân vân.

Còn về tâm-bình-đẳng-căn thì có chỗ lấy phân biệt làm thể, có chỗ lấy cái trái tim làm thể.

Theo số-luận thì trong căn ngoài cảnh đều do ba đức của tự-tánh chuyển biến mà thành; sau khi biến diệt rồi thì lại trở về tự-tánh, chỉ có ẩn hiện 隱顯 chứ không có pháp nào tiêu-diệt cả.

Nói tóm lại, số luận lập ra từ tự-tánh cho đến tâm-bình-đẳng-căn là 25 đề 二十五諦. Những Đề làm căn-bản biến ra cái khác thì gọi là Bản 本, những Đề do cái khác biến sanh thì gọi là Biến-dịch 變易. Về phương-diện Bản và Biến-dịch, các ~~đề có thể~~ chia ra như sau này:

1) *Thị-bồn-phi-biến-dịch* 是本非變易 tức là tự-tánh, chỉ biến ra các Đề mà không do các Đề biến ra.

2) *Thị-biến-dịch-phi-bồn* 是變易非本 tức là mười một căn, chỉ do cái khác biến ra mà không biến ra được cái khác.

3) *Diệt-bồn-diệt-biến-dịch* 亦本亦變易 tức như đại-đế, ngã-chấp, ngã-duy, ngã-đại, cũng do cái khác biến ra và cũng biến ra cái khác.

4) *Phi-bồn-phi-biến-dịch* 非本非變易 tức là thần-ngã, đã không biến ra cái khác và cũng không do cái khác biến ra.

Phái Số-luận cho rằng thần-ngã lấy tư 思 (cử tâm, phát niệm) làm thể; thần-ngã bản-tánh là giải-thoát, chỉ vì phát-niệm muốn thọ-dụng các cảnh nên ba đức của tự-tánh chuyển biến ra cảnh. Ba đức là nguyên-nhơn sanh tử, vì ba đức chuyển biến ra các cảnh nên các cảnh khuấy rối thần-ngã làm cho thần-ngã bị các cảnh ràng-buộc không được giải-thoát. Nếu tự mình giác-ngộ, biết 23 đề (trừ tự-tánh và thần-ngã) là chuyển biến vô-thường, không tham-trước các cảnh thì tự-tánh yên lặng, không sanh ra các Đề; tự-tánh đã không sanh ra các Đề, thì cảnh-giới đều không, và thần-ngã mới được giải-thoát.

## HAI MƯƠI LĂM ĐỀ CỦA SỐ-LUẬN

Tự-Tánh (*Prakṛti*) = Thần-Ngã (*Purusa*)

↓  
Đại-Đê (*Mahat*)

↓  
Ngã-Mạn (*Ahamkāra*)

↓  
Ngũ-Duỷ (*Īamātra*).....

- 1) Sắc
- 2) Thanh
- 3) Hương
- 4) Vị
- 5) Xúc

↓  
Ngũ-Đại (*Mahābhija*)....

- 1) Hỏa
- 2) Không
- 3) Địa
- 4) Thủy
- 5) Phong

↓  
Thập-nhất-Căn (*Indriya*)•

- 1) Nhãn
  - 2) Nhĩ
  - 3) Tī
  - 4) Thiệt
  - 5) Bì
  - 6) Ngữ-cụ
  - 7) Thủ
  - 8) Túc
  - 9) Tiêu-t-xứ
  - 10) Đại-t-xứ
  - 11) Tâm binh-dăng-Căn
- } Ngũ-tri-căn
- } Ngũ-tác-nghiệp-căn

Xét ra thì theo phái Số-luận nhơn-sanh và vũ-trụ đều do hai nguyên-nhơn hiện thành: một nguyên-nhơn gián-tiếp là thần-ngã, một nguyên-nhơn trực-tiếp là tự-tánh; thần-ngã là bốn-thể tinh-thần, là thụ-giả 受者 (phần lãnh-thụ), còn ba đức của tự-tánh là bốn-thể vật-chất, là tác-giả 作者 (phần tạo tác).

Số-luận là một luận duy-tâm rất khôn-khéo; tự-tánh của họ mới nghe in tưởng là đệ-bát-thức, thần-ngã của họ mới nghe in tưởng là chơn-ngã, nhưng thiệt ra thì khác nhau như trời với vực.

Trong các kinh Phật thường ~~khiêu-dã~~ sáo-nạn là ngoại-đạo, vậy cái ngoại-đạo của Số-luận ở chỗ nào, đều ấy chúng ta cần phải nghiên-cứu cho rõ mới khỏi cái nạn nhận tà làm chánh.

TINH-NHƯ



# ĐẠI Ý KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

PHẬT NƯỞNG NƠI KIẾN-TINH CHỈ RỎ NHƯ-LAI-TẠNG (chơn-tâm)

(Tiếp theo)

*Phật chính nơi kiến-tinh chỉ ra các món vọng-kiến để khai-thị cho biết kiến-tánh tức là Như-lai-tạng tánh.*

Ông A-Nan nghe Phật dạy những « lý phi-nhơn-duyên, phi bất-nhơn-duyên, phi tự-nhiên, phi bất-tự-nhiên, phi hòa-hiệp, phi ~~phi~~ hòa-hiệp » và chỉ rõ cái tánh « lý tức lý phi, thị tức phi tức », nhưng ông chưa lãnh-hội đặng là vì trong chỗ tâm và cảnh đối đãi với nhau mà hiện, ông chưa thể dung-hiệp cả tâm và cảnh đặng nhận rõ cái tánh thường-trụ. Đến nay ông nghe Phật dạy cái nghĩa « kiến kiến phi kiến » thì lại càng thêm phân vân, chẳng biết Phật muốn chỉ cái gì, nên ông khóc lóc lạy Phật, nhờ Phật khai-thị cho ông nhận được cái chơn-tâm thường-trụ.

Phật muốn chỉ rõ vì sao cái kiến-tánh còn phải ly cái vọng nơi kiến-tinh, nên Phật mới dạy cho ông A-Nan biết những lối vọng-kiến của chúng sanh, nó theo tánh điên-đảo mà phát-sanh, rồi theo nhơn-quả mà xoay vần trong lục-đạo. Kiến-tánh vẫn là kiến-tánh; song tác dụng của kiến-tánh, là kiến-tinh, theo chỗ mê ngộ mà có sai khác; chúng sanh không rõ tự-tánh, điên-đảo phân-biệt nên toàn-thể kiến-tinh là vọng-kiến; chư Phật thiết chứng tự-tánh, thanh-tịnh vô-vi nên toàn-thể kiến-tinh là chơn-kiến. Kiến-tinh có chơn có vọng là do nơi chỗ ngộ chỗ mê mà phát-sanh, chứ kiến-tánh vẫn là kiến-tánh, không bao giờ thay đổi. Song đã chơn thì không có vọng, mà đã vọng thì không còn gì đặng gọi là chơn, vậy muốn chứng rõ chơn-kiến cần phải dứt trừ cho hết vọng-kiến, mà muốn dứt trừ cho hết vọng-kiến thì cần phải rõ thế nào là vọng-kiến.

Phật muốn cho ông A-Nan rõ biết thế nào là vọng-kiến nên phân biệt chia cái vọng-kiến ra hai phần là : biệt-nghiệp-vọng-kiến và đồng-phận-vọng-kiến.

Biệt-nghiệp vọng-kiến là cái vọng-kiến phần riêng của mỗi mỗi chúng sanh. Ví như người mắc bệnh loà buổi tối ngó đèn thì thấy xung quanh ngọn đèn có một vành tròn năm sắc ; chúng sanh mắc bệnh mê lầm nên cái kiến-tinh đối với trần-cảnh thấy có chỗ thân chỗ sơ, chỗ đáng ưa, chỗ đáng ghét.

Người mắc bệnh loà tuy thấy cái bóng tròn ngũ sắc mà xét ra thì khó bề chỉ cái bóng tròn đó về phần cái đèn hay về phần cái thấy. Vì ~~ở~~ ~~ở~~ ~~ở~~ phần cái đèn thì sao những kẻ không loà lại không thấy ~~đ~~ ~~đ~~ ~~đ~~ tròn, còn như nói về phần cái thấy thì làm sao khi không có ngọn đèn, hoặc ngoài ngọn đèn ra, lại không thấy bóng tròn. Xét ra cho kỹ thời ngọn đèn thiệt có sắc ngọn đèn, song vì mắc bệnh loà nên nơi xung quanh ngọn đèn, lại thấy có bóng tròn ngũ sắc ; cái bóng tròn ngũ sắc đó tuy không thể riêng có ra ngoài ngọn đèn và cái thấy, mà một mình ngọn đèn và cái thấy cũng không thể làm ra cái bóng tròn ngũ sắc ; trong ấy có một nguyên-nhơn rất trọng yếu tức là cái bệnh loà vậy.

Cũng như trên trời duy một mặt trăng mà đến khi dụi mắt thì thấy ra hai, tuy thấy ra hai mà mặt trăng vẫn một. Chúng sanh cũng vậy, đồng một thể-tánh, vì mê lầm mà chia ra có năng có sở, có tự có tha, có thân có sơ, có ưa có ghét, song tuy chia ra đến đâu đi nữa mà thể-tánh ấy vẫn bình-đẳng như-như không hai không khác.

Người bệnh loà đương lúc thấy loà, nếu nhận biết được vì loà mà thấy ra bóng tròn ngũ sắc chớ cái bóng tròn ấy thiệt không có, thì cái tánh biết mình loà kia vẫn không có bệnh. Chúng sanh cũng vậy, chúng sanh dầu hư vọng phân biệt đến đâu nữa, nếu nhận biết là vọng thì cái tánh biết vọng kia quyết định không phải là vọng : không phải là vọng tức là chơn, nào phải tìm đâu xa nữa.

經

首楞嚴經

(續)

提大除或復同切乃種亦  
 浮中其國若人一中種見  
 閻正百百難國諸其蛻不  
 此洲三兩阿一觀月虹所  
 難千千三十唯生兩耳本  
 阿三二有五國眾見負生  
 見有有或十兩土或流眾  
 妄陸凡間四有當日飛國  
 芥平國其十祇洲二亭彼  
 同間大中三洲小見彗見  
 為中量海va一小彼或玦國  
 各水括諸va一則界珮此  
 何海西在二有緣境適但聞  
 云大東洲或中惡祥暈相不  
 除洲小一此感不至惡復  
 阿難圓即  
 阿現眚咎  
 眾現  
 諸似  
 及緣  
 士見  
 國與  
 何見眚  
 山成綠  
 見所所  
 見病見  
 觀病見  
 目見明  
 以始覺  
 日無我  
 今是元  
 汝皆境  
 例生前  
 難如影見  
 吾彼雖勞  
 今眾似非  
 為生前色  
 汝別境所  
 以業終造  
 此妄彼然  
 二見見見  
 事矚者皆  
 進燈目者  
 退光嘗終  
 合中所無  
 明所成見  
 明所成見



---

# KINH DIÊN-ÂM

---

THỦ LĂNG NGHIỆM KINH (Suramaga)

TUC

---

Vấn hà danh vi đồng phạm vọng kiên ? A-Nan, thủ Diêm-phù-đê, trừ đại hải thủy, trung gian bình lục hữu tam thí ~~va đê~~, chính trung đại châu, đông tây quát lượng, đại quốc phạm hữu nhị thiên tam bách; kỳ dư tiểu châu tại chư hải trung, kỳ gian hoặc hữu tam, lưỡng, bách quốc, hoặc nhứt, hoặc nhị, chỉ ư tam thập, tứ thập, ngũ thập. A-Nan, nhưc phục thủ trung, hữu nhứt tiểu châu chỉ hữu lưỡng quốc, duy nhứt quốc nhân đồng cảm ác-duyên, tác bị tiểu châu đương độ chúng sanh đồ chư nhứt thể bất tương cảnh giới, hoặc kiên nhị nhứt, hoặc kiên lưỡng nguyệt. kỳ trung nãi chí vận, thích, bội, qnyết, tuệ, bột, phi, lưu, phụ, nhĩ, hồng, nghề, chủng chủng ác tướng; dẫn thủ quốc-kiến, bị quốc chúng sanh bản sở bất kiến, diệp phục bất văn.

A-Nan, ngô kim vị như dĩ thủ nhị sự tiên thời hợp minh. A-Nan, như dĩ chúng sanh biệt nghiệp vọng kiên chúc đăng quang trung sở hiện viên ảnh, tuy tợ tiên cảnh, chung dĩ kiến giả mục sanh sở thành, sanh tức kiến lao, phi sắc sở tạo. nhiên kiến sanh giả chung vô kiến cụ.

Lê như kim nhứt dĩ mục quan kiên sơn hà quốc độ cập chư chúng sanh, giai thị vô thúy kiến bạnh

sở thành; kiên dữ kiến duyên tự hiện tiền cảnh, nguyên ngã giác-minh kiên sở duyên sanh.

Giác kiến tức sanh, bản giác minh tâm giác-duyên phi sanh, giác sở giác sanh, giác phi sanh trung; thứ thiệt kiến kiến, văn hà phục danh giác văn tri kiến.

Thị cô như kim kiến ngã cập như tinh chư Thế-gian thập loại chúng sanh, giai tức kiến sanh, phi kiến sanh giả; bị kiến chơn tinh tánh phi sanh giả, cô bất danh kiến.

A-Nan, như bị chúng sanh đồng phược vọng kiên, lệ bị vọng kiến biệt nghiệp nhứt nhân, nhứt bạng mục nhân đồng bị nhứt quốc. Bị kiên viên ảnh, sanh vọng sở sanh, thử chúng đồng phược sở hiện bất tượng, đồng kiến nghiệp trung chương ác sở khi, cu thị vô thủy kiến vọng sở sanh; lệ Diêm-phù-đế tam thiên châu trung, kiêm tứ đại hải, Ta-bà thế giới tinh kỳ thập phương chư hữu lậu quốc cập chư chúng sinh, đồng thị giác minh vô lậu diệu tâm. kiến văn giác tri hư vọng bạng duyên; hòa hợp vọng sanh. hòa hợp vọng tử.

Nhược năng viễn ly chư hòa hợp duyên cập bất hòa hợp, tác phục diệt trừ chư sanh tử nhưn, viên mãn bố-đề bất sanh diệt tánh, thanh tịnh bản tâm, bản giác thường trụ. »

(Vị hoàn)



# Kinh Diễn Nghĩa

## SẠO GỌI LÀ VỌNG KIẾN ĐỒNG PHẦN ?

Ông A-Nan, cõi diêm-phù-đề (1) này, trừ phần nước nơi các biển lớn ra, phần đất bằng ở giữa có đến ba ngàn châu (2). Châu lớn chính giữa, bao quát từ đông chí tây, tính số các nước lớn có đến hai ngàn ba trăm nước. Còn các châu nhỏ giữa các biển, hoặc có đôi ba trăm nước, hoặc một nước, hai nước cho đến ba mươi, bốn mươi, năm mươi. Ông A-Nan, ở trong ấy như có một châu chỉ có hai nước mà người trong một nước đồng cảm lấy ác-duyên (3) thì chúng sanh trong nước ấy thấy những cảnh giới không lành, hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy các giống ác tướng như *Vị*, *Taich*, *Bột Khuyết*, *Tuệ*, *Bội*, *Phi*, *Lưu*, *Phụ*, *Nhĩ*, *Hồng*, *Nghê* thủy (4), mà chỉ nước ấy thấy còn chúng sanh trong nước bên kia thì đã thấy không mà cũng không nghe.

Ông A Nan, tôi nay vì ông lấy hai sự kia lui tới tỉ lệ với nhau cho rõ. Ông A-Nan, như cái vọng kiến biệt nghiệp của chúng sanh kia thấy nơi ánh-sáng ngọn đèn hiện ra bóng tròn, cái bóng tròn ấy tuy in tuồng tiền-cảnh nhưng

1) *Cõi Diêm phù-đề*. — Diêm-phù-đề là mặt trái đất.

2) *Châu*. — Bốn phía nước biển bọc quanh, giữa có đất nổi thì gọi là châu.

3) *Cảm lấy ác-duyên*. — Là bị duyên của các nghiệp dữ chiêu cảm.

4) *Vị*, *Thích*, *Bội*, *Khuyết*, *Tuệ*, *Bột*, *Phi*, *Lưu*, *Phụ*, *Nhĩ*, *Hồng*, *Nghê*. — *Vị* là cái quang xung quanh mặt trời hay mặt trăng; *Thích* là nhật - thực nguyệt - thực; *Bội*, *Khuyết* là những bóng đen trên mặt trời mặt trăng như hình ngọc hội hay ngọc khuyết; *Tuệ* là sao phương; *Bột* là sao chủ; *Phi* là sao băng; *Lưu* là nhiều sao băng nổi tiếp với nhau; *Phụ* *Nhĩ* là những hắc-khi đeo bên mặt trời, như đồ vác trên lưng hay như cái tai, *Hồng* *Nghê* là các thứ móng.

thiệt ra là do bịnh lòa mắt tạo thành. Cái bóng lòa ấy là cái bịnh của cái thấy, chứ không phải do sắc-trần tạo ra. Nhưng nơi kẻ thấy lòa, cái thấy vốn không có lỗi. Lấy đó làm tỉ lệ thì hiện nay ông thấy núi sông cõi nước và các chúng sanh đều là cái kiến, bịnh vô-thĩ (5) biến thành; kiến và kiến-duyên (6) in tuồng hiện ra tiền-cảnh, nhưng thiệt ra vốn là cái lòa kiến và sở-duyên nơi tánh giác-minh ta vậy.

Giác cái kiến ấy tức là cái lòa thì cái giác-duyên của bản-giác minh-tâm vốn chẳng phải lòa (7); giác cái sở-giác là lòa thì giác không phải ở trong cái lòa, đó thực là kiến-kiến, làm sao còn gọi là giác vẫn *tri kiến* <sup>tri giác</sup> ~~tri kiến~~.

Vậy nay ông thấy tôi và ông và mười loại chúng sanh trong các thế-gian đều là thấy cái lòa chứ không phải thấy cái bị lòa; chơn-tinh của cái kiến kia, tánh chẳng phải cái bị lòa cho nên không gọi là kiến.

Ông A-Nan, như lấy cái vọng-kiến đồng phận của chúng sanh kia mà tỉ lệ với cái vọng-kiến biệt-nghiệp của một người, thì một người đau con mắt cũng đồng như một nước

---

5) Kiến bịnh vô-thĩ. — Vô-thĩ là không có trước sau. Kiến bịnh có hai nghĩa: theo nhãn-căn mà cất nghĩa thì nói là cái bịnh của cái thấy tức là cái vọng nơi kiến-tinh vậy; còn theo âm-tánh mà cất nghĩa thì phải nói là cái bịnh kiến-chấp tức là các món ngã-kiến pháp-kiến vậy.

6) Kiến và kiến-duyên. — Kiến là cái thấy được tức là cái năng-kiến, kiến-duyên là cái bị thấy tức là cái sở-kiến.

7) Cái giác duyên của bản-giác minh-tâm vốn chẳng phải lòa. — Bản-giác minh-tâm tức là cái tâm bản-giác thường thường minh-liễn (sáng biển) của chúng ta; nếu giác được những cái năng-kiến sở kiến là bóng lòa, thời cái giác kia quyết định duyên với sự thực, chứ không duyên với sự giả dối nữa.

8) Làm sao còn gọi là giác vẫn tri kiến. Giác vẫn tri kiến là những cái thấy nghe hay biết đối với hoàn cảnh. Nếu thiệt kiến-kiến nghĩa là giác được các món năng-kiến sở-kiến là bóng lòa thì quyết định không còn gọi cái gì là giác-vẫn tri kiến được nữa; không gọi được, vì nó chỉ là bóng lòa thôi.

bên kia. Cái bóng tròn của một người thấy do cái vọng của bịnh lòa mà sanh ra, những cảnh-giới bất tương hiện nơi chúng đồng-phận (9) do những điều chướng ác trong đồng-kiến-nghiệp đẩy lên, đều là cái kiến-vọng vô-thi sanh ra cả; đem ra tỉ lệ thì cũng như cả cõi Diêm-phù-đề đủ ba ngàn châu và bốn biển lớn, cả thế-giới Ta-bà (10) cho đến cả các nước hữu-lậu trong mười phương với các chúng sanh đồng là những hư vọng bện duyên kiến văn giác tri (11) của cái giác-minh vô lậu diệu-tâm, hòa hiệp đối sanh ra, hòa hiệp đối chết mất. Như hay ly xa các duyên hòa hiệp ~~và bất hòa-hiệp~~ thì đã diệt trừ cái nguyên nhân tử, ~~và~~ ~~san~~ cái Bồ-đề bất-sanh-diệt-tánh (12) cái bản-tâm thanh-tịnh (13) nơi bản-giác thường an-trụ.

9) *Chúng đồng phận.* — Nhiều chúng sanh đồng gây một nghiệp, đồng chịu một quả báo, nên đồng hưởng-thọ một cảnh giới thì gọi là chúng đồng-phận.

10) *Thế-giới Ta-bà.* — là cõi của đức Thích-Ca, gồm có ngàn triệu thế-giới.

11) *Hư-vọng bện duyên kiến văn giác tri.* — Kiến văn giác tri tức là hư-vọng bện-duyên, hư-vọng bện-duyên nghĩa là cái duyên của cái bện lưỡng đối; bện lưỡng đối là chi? tức là cái kiến văn giác tri vậy; vì những duyên ấy không thiết có nên gọi là hư-vọng.

12) *Bồ-đề bất sanh diệt-tánh.* — Bồ-đề nghĩa là giác; tâm-tánh chúng sanh chẳng phải là sanh diệt; chỉ vì không tự biết nên in luống có sanh diệt; nếu chúng sanh giác ngộ được thì tánh bất sanh-diệt vẫn viên mãn thường-trụ, miễn là biết được những chỗ hòa-hiệp vọng sanh, hòa hiệp vọng-tử và ly xa được các duyên hòa-hiệp với bất hòa-hiệp.

13) *Bản-tâm thanh-tịnh nơi bản-giác thường an-trụ.* — Tâm của chúng sanh vốn thanh-tịnh, chỉ vì khôn an-trụ nơi giác-tánh bản-lai thanh-tịnh nên vọng động gây nghiệp chịu báo, luân hồi trong lục-đạo. Nếu trừ được những nguyên nhân mê lầm sanh tử thì tính bản-giác vẫn như-như thường-trụ mà cái bản-tâm thanh-tịnh vẫn thường an-trụ nơi tánh bản-giác ấy.

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM

# LUẬN-HỌC

八 識 規 矩 頌

BÁT THỨC QUI-CŨ TỤNG

(Lời tụng bát thức qui củ)

(tiếp theo)

七 識 頌

Thất thức

(Lời tụng về thức thứ bảy tức là Mặt-nhũ-thức)

帶 質 有 覆 通 情 本

ĐỐI CHẤT HỮU PHÚ THÔNG TÌNH BỔN

Cảnh là đối-chất cảnh, tánh là tánh hữu-phú-vô ký, thông cả bên tình và bên bổn).

*Giải nghĩa.* — Trong ba cảnh (tánh-cảnh, đối-chất-cảnh và độc-ảnh-cảnh), thất-thức chỉ duyên với đối-chất-cảnh. Thất-thức duyên với kiến-phần của bát-thức, biến ra nội ngã-tướng (cái ngã tướng bề trong) làm cảnh của mình. Song Thất-thức không duyên thẳng đến bát-thức, chỉ duyên với cái ngã-tướng là cái tướng giả dối của bát-thức kiến-phần mà thôi. Thất-thức cũng là tâm, bát-thức cũng là tâm, tương-phần của thất-thức do cả bát-thức và thất-thức biến thành nên cảnh của thất-thức là chơn-đối-chất-cảnh. Lại bát-thức là bổn-chất, tương-phần của thất-thức vin theo nơi bổn-chất mà phát khởi nên gọi là đối-chất-cảnh.

Thất-thức chỉ duyên với nội-cảnh nên chỉ có vô-ký-tánh chớ không có thiện-tánh và ác-tánh. Tánh vô-ký của thất-thức thuộc về phần hữu-phú-vô-ký. Hữu phú nghĩa là có ngăn che: một là vì thất-thức chỉ một mặt duyên

về bề trong, khuôn-khổ rất hẹp nên gọi là hữu-phú, hai là vì thất-thức thường chấp bát-thức kiến-phần làm nội-ngã, che hẩn chơn-tướng của bát-thức kiến-phần nên gọi là hữu-phú.

Thất-thức lại thông cả bên tĩnh và bên hỗn; tĩnh là lục-thức, hỗn là bát-thức, thất-thức thông cả hai bên nên cũng có tên là ý-căn hay là truyền-tổng-thức. Lại nữa, thất-thức chấp ngã nên thông về tĩnh, thất-thức tương-tục bất đoạn nên thông về hỗn.

*Tùy Duyên*

隨緣執我量爲非

TÙY-DUYÊN CHẤP NGÃ LƯỢNG VI PHI

(Theo duyên mà chấp ngã, lượng chỉ là phi-lượng)

*Giải-nghĩa.* — Thất-thức đủ cu-sanh-ngã-chấp và cu-sanh pháp-chấp, duyên với đệ-bát-thức kiến-phần, lúc nào cũng chấp là ngã. Đệ-bát-thức kiến-phần vốn không phải là ngã, nay thất-thức duyên với đệ-bát-thức-kiến-phần lại chấp là ngã, thế thì cái lượng của thất-thức toàn là sai lầm, không đúng sự thật, nên gọi là phi-lượng.

八大偏行別境慧

BÁT ĐẠI BIẾN HÀNH BIỆT CẢNH HUỆ

貪癡我見慢相隨

THAM SI NGÃ-KIẾN MẠNG TƯƠNG TÙY

(Đệ thất-thức tương-ưng với 8 tâm-sở đại-tùy phiền-não, 5 tâm-sở biến-hành, 1 tâm-sở biệt-cảnh là huệ-tâm-sở và 4 tâm-sở căn-bản phiền-não là tham, si, kiến và mạng).

*Giải-nghĩa.* — Tâm-sở có thể tương-ưng với thất-thức gồm có 18 món :

Thất-thức tương-ưng với biến-hành tâm-sở, vì biến-hành tâm-sở khắp tất cả các thức, khắp tất cả các địa-vị, một thức nào đã khởi hiện-hành thì đều có biến-hành tâm-sở cả.

Về biệt-cảnh-tâm-sở, thất-thức không thể tương-ung với dục-tâm-sở, vì thất-thức chỉ một mặt duyên với bóng của bát-thức kiến-phần mà chấp là nội-ngã; bát-thức kiến-phần thường hiện tiền luôn, không cần gì phải trông cầu nên không có dục-tâm-sở. Thất-thức thường duyên với bát-thức kiến-phần và thường chấp thiết là nội-ngã, đã như định rồi nên không cần có thắng-giải tâm-sở. Thất-thức chỉ duyên với hiện-cảnh lúc nội-ngã-tướng, không có chi phải ghi nhớ nên không có niệm-tâm-sở. Thất-thức chỉ duyên với nội-ngã không duyên với cảnh khác, không cần chuyển nhất nên không có định-tâm-sở. Song thất-thức duyên với bát-thức kiến-phần, riêng nhận chắc cái đó là nội-ngã nên thiết có lựa chọn và ~~sa~~ tương-ung với huệ-tâm-sở.

Trong 11 món thiện-tâm-sở, thất-thức không thể tương-ung với một tâm-sở nào, vì thất-thức là thức ô-nhiễm.

Trong 6 món căn-bản phiền-não, thất-thức thường quyết chắc bát-thức kiến-phần là nội-ngã, không thể nghi ngờ nên không tương-ung với nghi-tâm-sở. Thất-thức ưa đắm nội-ngã, nên không thể tương-ung với sân-tâm-sở. Song thất-thức ưa đắm nội-ngã là có ngã-tham nên tương-ung với tham-tâm-sở; thất-thức quý báu nội-ngã, đặt cái nội-ngã trên tất cả các pháp nên có ngã-man và tương-ung với mạn-tâm-sở; thất-thức chấp chắc bát-thức kiến-phần là ngã nên có ngã-kiến và tương-ung với kiến-tâm-sở; thất-thức lăm lặc nhận bát-thức kiến-phần là ngã nên có ngã-si và tương-ung với si-tâm-sở.

Trong các món tùy-phiền-não, tiêu-tùy-phiền-não hành-tướng thô-động, còn thất-thức là nhỏ-nhiệm nên không thể tương-ung. Trung-tùy-phiền-não duy có tánh bất-thiện, thất-thức là vô-ký nên không thể tương-ung. Song vì thất-thức là thức nhiễm-ô nên tương-ung với 8 món đại-tùy-phiền-não.

Về bất-định-tâm-sở, thất-thức nhiệm vận duyên với hiện-cảnh, không nhớ nghĩ nghiệp trước nên không có

ăn-năn và không tương-ưng với ố-tác-tâm-sở; thất-thức chỉ một mặt chấp về bề trong, không duyên ngoại-cảnh nên không cầu tìm cầu, không cần quán-sát, không có một nhọc của phải ngủ nghỉ, nên không tương-ưng với tâm, từ và thuy-miên tâm-sở.

• 恆 審 思 量 我 相 隨

HẰNG THÂM TƯ LƯƠNG NGÃ TƯƠNG TÙY,

(Theo chỗ hằng thâm tư lương ngã-tướng của thất-thức.)

*Giải nghĩa.*— Thất-thức thường thường suy xét nghĩ ngợi đo lường và phân biệt kiến-phần làm ngã, nên gọi là Hằng-thâm tư lương ngã-tướng. Bát-thức thì hằng mà không phải Thâm, ý-thức thì Thâm mà không phải Hằng, ngũ-thức thì không phải Hằng không phải Thâm, duy có thất-thức thì vừa Hằng vừa Thâm, đó là vì thất-thức thường thường suy xét bát-thức kiến-phần làm ngã, không có gián đoạn vậy. Hữu tình theo đó mà bị mê lầm.

有 情 日 夜 瞋 昏 迷

HỮU-TÌNH NHỰT ĐẠ TRẦN HÔN MÊ

(Nên loài hữu-tình ngày đêm mắc trong chỗ hôn-mê).

*Giải nghĩa.*—Hữu-tình chúng sanh xoay vần trong lục-đạo, ở mãi trong vòng sanh tử mà không biết tự giác là vì thất-thức thường chấp ngã vậy.

肆 惑 八 大 相 應 起

TỬ HOẶC BÁT ĐẠI TƯƠNG ƯNG KHỞI

(Bốn hoặc, tám đại-tùy-phiền-não tương-ưng với Thất-thức mà dấy lên)

*Giải nghĩa.*—Bốn món hoặc là ngã-tham, ngã-mạng, ngã-si, ngã-kiến, với tám món đại-tùy-phiền-não thường thường hiện-hanh đồng thời và tương-ưng với thất-thức.

### 六轉呼爲染淨依

#### LỤC CHUYỀN HỒ VI NHIỄM TỊNH Y.

(Chuyển-thức thứ sáu gọi thức thứ bảy là nhiễm-tịnh-y)

*Giải nghĩa.* — Chuyển-thức thứ sáu tức là ý-thức, vì theo vọng mà chuyển-biến nên gọi là chuyển-thức. Trừ đệ-bát-thức, bảy thức trước đều gọi là chuyển-thức. Khi thất-thức còn hữu-lậu thường thường chấp nội-ngã thì ý thức trong niệm niệm đều thành ô-nhiễm. Khi thất-thức được vô-lậu, tương-ưng với vô-ngã-trí thì ý-thức trong niệm-niệm đều được thanh-tịnh; vậy ý-thức nương ~~ở~~ thất-thức mà thành nhiễm, thành tịnh, nên đối với ý-thức, thất-thức là nhiễm-tịnh-y vậy.

### 極喜初心平等性

#### (CỰC HỖ SƠ TÂM BÌNH ĐẲNG TÁNH)

(Đến bậc sơ-tâm của Cực-hỷ-địa, Thất-thức đã tương-ưng với tợ-bình-đẳng-tánh-trí.)

*Giải nghĩa.* — Cực-hỷ-địa là sơ-địa Bồ-tát. Các bậc Bồ-tát mới chứng vào sơ-địa, ý-thức đã đến nơi sanh-pháp-nhị-không-quán, nghĩa là đã chứng đặng chỗ phân-biệt-ngã-không và phân-biệt-pháp-không, thì quán ấy ngăn ngại làm cho từ-hoặc, bát-đại nơi thất-thức không thể hiện-hạnh, nên đệ-thất-thức bắt đầu có thể tương-ưng với tợ-bình-đẳng-tánh-trí. Đệ-thất-thức mọi lược, không có sức đoạn hoặc chứng lý, nên chỗ tu chứng chỉ toàn nhờ đệ-lục-thức vậy.

### 無功用行我恆性

#### VÔ CÔNG DỤNG HẠNH NGÃ HẰNG SUY

(Đến hạnh vô-công-dụng mới thường xô được cái ngã)

*Giải nghĩa.* — Trước đệ-thất-địa, lục-thức chưa thường an-trụ được nơi nhị-không nên pháp-ngã bấy còn, phơn-

ngã chưa thiệt dứt; đến đệ-thất bất-động địa thì dứt hẳn nhưn-ngã-chấp, song còn pháp-ngã-chấp; đến đệ-bát-địa sắp lên, vào vô-công-dụng-đạo, mới dứt sạch nhưn-ngã-chấp và pháp-ngã-chấp; chỉ còn các món pháp-chấp rất nhỏ nhiệm mà thôi.

如來現起他受用

NHU-LAI HIỆN KHỞI THA THỌ DỤNG,

十地菩薩所被襪

THẬP-ĐỊA BỒ-TÁT SỞ BỊ KI (cơ).

(Đức Như-lai ra tha-thọ-dụng-thân để nhiếp hóa các cơ của hàng thập-địa Bồ-tát )

*Giăng nghĩa.* - Các đức Như-lai thường hiện thân theo cơ-cấm mà giáo-hóa. Đến quả vị Phật, bình-đẳng-tánh-trí nơi đệ-thất-thức hiện ra 10 món tha-thọ-dụng-thân mà nhiếp-hóa các vị thập-địa Bồ-tát, song nói như vậy là cử riêng chỗ thù thắng mà nói, chớ thiệt ra thì 4 trí của đức Như-lai đều có phần hiện ra vậy.

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM



# CÂU CHUYỆN PHỤ-NỮ

Chị Hoa ở nhà quê lên gặp cô Bông ở phố. Chị em lâu ngày cách mặt, mừng rỡ hàng huyền, rồi chị Hoa hỏi: «Mấy lâu nay ở thành-thị, chị xem chừng phái phụ-nữ chúng ta có tấn-bộ lắm không?

Cô Bông. — Có, có lắm, việc gì cũng tấn/bi, thậm chí đến Phật-pháp, chị em ngày nay cũng sa... sau học nữa.

Chị Hoa. — Tôi không hiểu vì sao trong thời buổi này họ không lo làm ăn giúp chồng giúp con, lại lo học Phật-pháp mà làm gì?

Cô Bông. — Vâng, ban đầu tôi cũng nói như chị, tôi rất công-kích những hạng người ấy, nhưng...

Chị Hoa. — Nhưng sao? Chị này chừng cũng gần bị ăn phải cái bùa mê-tín rồi đây, chưa chi đã muốn bình vực bọn học Phật.

Cô Bông. — Chị cũng biết tôi là người hay suy xét, lại là người về phái phụ-nữ tối-tấn, lẽ nào tôi bình vực những đều mê-tín. Nhưng hiện bây giờ tôi rất phân-vấn về vấn đề học Phật.

Chị Hoa. — Chị này rõ gan thiệt, phân-vấn gì, chị tưởng cái lối trốn đời lên chùa ngồi rục, gõ mõ tụng kinh, không dám đứng ra tranh-đấu, tìm chỗ để ẩn núp cái thân vô-dụng là hay ho lắm sao?

Cô Bông. — Tôi cũng đã lắm phen nói như chị, nhưng phạm ta muốn công-kích phái nào, ta cần phải suy xét cử-chỉ học-lực của họ thì lời công-kích của ta mới có phần thiết-thực, mới là có giá-trị, chớ nếu không biết họ thế nào, chê cần chê dỡ thì có khác gì những anh mù phẩm-bình bức tranh vẽ.

*Chị Hoa.* — Vậy chị đã xét nghiệm rồi hay chưa?

*Cô Bông.* — Đã, tôi có tìm một vài chị em trong phái học Phật mà gạn hỏi.

*Chị Hoa.* — Thế rồi họ nói với chị cách nào?

*Cô Bông.* — Ban đầu tôi cũng đem những ý-tưởng như mấy lời chị vừa nói mà hỏi họ, thì họ lại cười và cho chúng ta chưa biết gì là đạo Phật cả. Lời lẽ của họ nghe cũng hay lắm, như là Ni-cô D.T., cô nói rất thiết-thực và rất rõ ràng, ai nghe cũng phải cho là đúng lý.

*Chị Hoa.* — Vậy Ni-cô có ở gần đây không?

*Cô Bông.* — Chùa Ni-cô ở gần đây; tôi sẵn lòng dắt chị đến chơi cho rõ đầu đuôi gốc ngọn. »

Câu chuyện vừa xong, chị em dắt nhau đến chùa của Ni-cô D.T.. Sau khi chào hỏi, cô Bông đứng ra giới-thiệu chị Hoa với Ni-cô D.T..

*Chị Hoa nói:* «Tôi nghe Ni-cô vừa xuất-gia, vậy xin Ni-cô cho biết nguyên-nhơn vì sao Ni-cô lại xuất-gia đầu Phật?

*Ni-cô.* — Tôi sẽ đi xuất-gia đầu Phật là vì muốn tự giác tự tỉnh và giác-tỉnh cho tất cả chị em trong phái phụ-nữ.

*Chị Hoa.* — Chúng tôi có mê gì đâu mà phải đợi có người giác-tỉnh?

*Ni-cô.* — Thưa, tôi xin vô phép cô, tôi biết cô là người học-thức rộng, nhưng đối với Phật-pháp, dù người học giỏi đến đâu mà chưa được giải-thoát thì cũng gọi là mê cả.

*Chị Hoa.* — Xin cô cắt nghĩa thế nào là giải-thoát?

*Ni-cô.* — Giải-thoát nghĩa là đối với cảnh-vật không chấp đắm suy mê, dầu gặp nghịch-cảnh, hay thuận-cảnh, dầu gặp vật tốt hay vật xấu, tâm-tánh vẫn được tự-chủ và tự-tại.

*Chị Hoa.*— Xin Ni-cô nói lại cho tôi rõ.

*Ni-cô.*— Ví dụ như cô thấy tấm hàng đẹp, đòi vòng xinh, cô không sanh lòng ưa muốn, đeo đuổi theo nó; hoặc như cô gặp việc rắc rối, gia-tình khuân-bách, cô không rối trí cuồng tâm, tâm của cô đối với cảnh-vật lúc nào cũng sáng suốt an tĩnh, dầu làm muợn công ngàn việc mà cũng không bị cảnh-vật xoay chuyển, thế là cô được ít phần giải-thoát.

*Chị Hoa.*— Vậy thì người muốn giải-thoát có cần phải bỏ cả việc đời, yên tĩnh trong núi hoang rừng rậm để cố tìm cái vui riêng về tinh-thần không?

*Ni-cô.*— Không phải, người tu rất yếu người tu vì đời mà phải học rộng, phải tu nhiều hầu mong đắc kể khác lên đường giải-thoát. Còn những việc tìm nơi ẩn-dật, cầu cái vui riêng về mặt tinh-thần, tuy trong Phật-pháp cũng có, nhưng đó là phép tu riêng cho những người không đủ trí-lực lặn lội với đời mà độ sanh, chứ không phải thiết là chánh pháp của Phật. Theo chánh-pháp của Phật, thì người tu hành cần phải lặn lội mà hóa-độ chúng sanh, chúng sanh còn khổ thì người tu cần phải lặn theo mà giải bày an ủi cho hết khổ.

*Chị Hoa.*— Thế thì Phật dạy Pháp gì mà cứu dặng chúng sanh khỏi khổ?

*Ni-cô.*— Phật dạy chúng ta phải tự xét những cái buồn vui thương ghét của chúng ta vì đâu mà sanh và vì sao chúng ta lại có buồn vui thương ghét. Chúng ta xét như vậy cho đến khi rõ được nguồn gốc việc ấy thì tâm chúng ta mới có thể trừ tận nguồn gốc các việc ấy và được giải thoát. Chúng ta phải tu làm sao cho tâm chúng ta được tự-tại, dầu đối nghịch-cảnh hay thuận-cảnh, cũng không lay động thì mới chắc giải-thoát được các sự khổ-não. Chúng ta lại đem những chỗ kinh-nghiệm của mình bày vẽ cho người khác,

mong cho ai ai đều được giải-thoát đôi chút để tránh khỏi những sự khổ-não trong khi ra tranh đấu làm ăn giữa đời. Nếu người đời ai ai đừng biết ít nhiều Phật-pháp thì sự sanh-hoạt của họ mới chắc được an lành vui-vẻ.

*Chị Hoa.*—Tôi nghe ni-cô nói, cũng có lý lắm, song không lẽ những phái tân-học như chị em chúng tôi đã trót bước vào cảnh-giới văn-minh lại xoay về lối cổ-học mà học-Phật.

*Ni-cô.*—Tôi không dám mong các cô xoay liền về Phật-học, nhưng tôi trông các cô gắng học hỏi Phật-pháp cho nhiều xét thử sự tu hành theo Phật-pháp có lợi-ích cho đời và xã-hội không? Nếu học Phật thiệt có lợi-ích cho đời, có lợi-ích cho sự văn-minh tiến-hóa, nếu các cô nhận Phật-pháp là hay là phải thì tôi dám khuyên các cô hãy quyết chí mà làm theo, chớ không nên chấp cái gì là tân, cái gì là cựu. Ví dụ như hai với hai là bốn, đời trước đã nhận như vậy mà đời nay dẫu văn-minh đến đâu cũng không thể nói hai với hai là sáu; Phật-pháp cũng vậy, Phật-pháp là một lý chắc chắn rõ ràng, dẫu đời nào cũng không thể thay đổi; Vậy các cô hãy gắng mà nghiên-cứu Phật-pháp cho đến nơi đến chốn, có chỗ nào nghi-hoặc, cứ đến hỏi chúng tôi, chúng tôi sẵn lòng trả lời, còn về phần tin-phục hay không tin-phục là ở nơi các cô, chúng tôi không dám định đoán trước được. Song các cô là bậc thông-minh tân-tiến, các cô đã nhận việc gì là hay là phải thì xin các cô cứ đứng ra làm để làm gương cho chị em, chớ đừng lẻo đẻo theo triều-lưu như những kẻ vô-dụng.

*Chị Hoa và chị Bông đứng dậy.*—Lời dạy của Ni-cô chúng tôi đâu dám bỏ qua, vậy kể từ ngày nay chúng tôi xin hết sức nghiên-cứu Phật-pháp, nếu chúng tôi xét được Phật-pháp là đúng đắn và có ích cho đời thì chúng tôi quyết đứng ra gánh một vai trong công việc chấn-hưng Phật-học, chớ không dám phụ lòng trông đợi của Ni-cô.

*Ni-cô.*—Nam-mô A-Di-Đà Phật, tôi xin chúc các cô kiên-cố! *Bồ-Đề-tâm* »

D. K.

# QUYỀN «NGHI-THỨC TỤNG NIỆM

Của người tu tại-gia » DO

Hội Nam-kỳ nghiên-cứu Phật-Học xuất bản

## LỜI BỒ CAO

Những người đã đứng ra lo việc hoằng pháp lợi sanh, mà biết việc gì có lợi ích chung cho đa-số người, thì nên truyền bá cái biết ấy ra giữa công-chúng cho ai ai cũng đều biết như mình và được phần lợi-ích như mình; vậy mới khỏi mang cái « tội : lẩn pháp ».

Lâu nay, nghi-thức tụng niệm trong các chùa chỉ là một món biết riêng của phái Tăng-già, ngoài ra Thập-phương Thiện-tín không mấy người rõ được; thành thử có nhiều điều trở ngại và có nhiều khi phải thiệt hại cho Tín đồ của Phật-giáo, mà trong Tông-lâm không ai xét cho. — Đó cũng là một sự khuyết điểm trong cuộc hoằng-hóa lợi-sanh mà ít người nghĩ đến.

Bởi thế quyền « Nghi-thức tụng niệm của người tu tại gia » phải ứng vận ra đời.

\* \* \*

Bảy tám tháng nay, chúng tôi có hứa sẽ xuất bản quyền « Nghi thức tụng niệm » ấy mà chưa làm thành tập được, là vì mắc lo bài vở cho tạp-chí Từ-Bi-Âm.

Sự trễ nải đó làm cho nhiều người có đạo-tâm, ở xa muôn dặm, đem lòng đợi trông, đến nỗi chưa biết giá mỗi quyển là bao nhiêu, mà dám gửi tiền trước xin thỉnh.

Như trong tháng ba Annam (Avril 1936) có ông Phan-vân-Thành ở Hàn-ôi (xứ Bắc-kỳ) gửi đến 0\$55, và trong

tháng tư Annam (Mai 1936) có ông Nguyễn-văn-Lãm và các vị cư-si ở Nam-vang (xứ Cao-mên) gửi đến 50\$ mà xin thỉnh quyền « Nghi-thức tụng niệm » đó, thì đủ rõ các vị ấy đã biết trước rằng cuốn sách này có giá-trị lợi ích thế nào.

Quả vậy ! Quyền « Nghi-thức tụng niệm » ấy mới đáng thành tập, thiết rất hữu-ích cho đời, bất luận người sống hay là kẻ chết, đều được nhờ cả.

Quyển sách này gồm đủ các nghi-thức tụng niệm thường dùng trong các chùa mấy trăm năm nay, chỉ có phái Tăng già được biết, trước đề tụng niệm trong chùa và sau để ứng phó trong mấy đám trai-dàng của Thập-phương Thiện-tín mà thôi.

Trong quyển sách này có hai thứ tiếng : nếu ai muốn tụng đọc theo Hán-văn như trong các chùa lâu nay, thì xem bên « *Diễn âm* » ; còn ai muốn tụng đọc theo tiếng thông thường cho dễ hiểu, thì xem bên « *Diễn nghĩa* ».

Quyển sách này được 110 trương, giá 0\$40 cho thỉnh tại chùa Linh-sơn, ở Saigon, đường Douaumont, số 149. — Còn ai ở xa muốn thỉnh, thì phải gửi thêm 0\$09 để mua cò cây nhà giấy thép đem đến.

Quyển sách này gồm có 11 nghi-thức : 1. Nghi niệm Phật — 2. Nghi tri-tụng. — 3. Nghi cầu an. — 4. Nghi làm chung. — 5. Nghi nhập-liêm. — 6. Nghi thành-phục. 7. Nghi tổng-táng. — 8. Nghi an sàng. — 9. Nghi làm tuần. — 10. Nghi kỵ côm. — và 11 : Nghi thực cô-hồn.

Những người tu tại gia theo pháp-môn Tịnh-độ của đạo Phật, nên thỉnh mỗi người một quyển « Nghi thức tụng niệm » này để nhà mà dùng, thì khỏi những điều phiền lụy và được nhiều sự phước lợi, không còn những cái nông nổi phải làm cho mình phải cực lòng như trước nữa.

Tại sao vậy ? Vì trừ ra trong khi có thiếc đại-trai-đàn, thì phải thỉnh vị chứng minh và sám-chủ bên phải Tăng-già mà thôi ; còn bao nhiêu các tiểu-diên thường dùng về sự kỳ siêu cho ông bà cha mẹ, kỳ an cho gia trạch, và hộ niệm cho bà con quyến thuộc trong lúc lâm-chung hạ : là tổng tăng thì cứ y theo trong quyển « Nghi thức tụng niệm » đó, rồi phần ai nấy lo làm lấy việc nhà của mình được cả.

Quyển sách này có nhiều cách tiện lợi :

*Một là :* Trong khi có việc mà nhà nghèo không tiền thỉnh một vị Tăng-già ở xa, cách bốn năm ngàn thước tây, không thể đi thỉnh được, thì mình dùng nghi thức này mà làm lấy được ;

*Hai là :* Nếu mình dùng nghi-thức này mà tự làm cho việc nhà mình thì có phần mật thiết hơn là thỉnh thầy, vì những thầy « ứng phú » không được mấy ai có lòng thành khẩn mà cầu nguyện cho mình ;

*Ba là :* Những người tu tại gia, hoặc đồng làng, hoặc quen biết, ai ai cũng hiểu được nghi-thức này mà đi tới hộ niệm lẫn nhau ;

*Bốn là :* Mỗi người biết nghi-thức này, thì có thể truyền dạy cho các người trong nhà lớn nhỏ cũng đều biết ;

*Năm là :* Mình dùng nghi-thức này, mà tự làm cho việc mình, thì được mau tiêu rồi, và phần mình cũng được nhờ cái công-đức tụng niệm kinh chú ấy mà thêm lớn căn lành và đặng nhiều quả phước về sau nữa ;

*Sáu là :* Đồng biết với nhau một cách thức, thì đồng làm in nhau một khuôn rập, khỏi phải lờ-mờ như trước mà bị chúng chế cười.

*Thư và mandal gửi thỉnh quyền « Nghi thức tụng niệm » này, xin để như sau này :*

Monsieur NGUYỄN-VĂN-NHƠN

Chùa Linh-Sơn, số 149, đường Douaumont — SAIGON

Saigon, ngày 10 Juillet 1936

TÙ - BI - ÂM

# Chuyện nàng Liên-Hoa

(THUẬT LẠI THEO KINH PHÁP CŨ)

Xưa trong thành Thất-la-Phiệt, ngay khi Phật tại thế, có một người mỹ-nữ tên là Liên-Hoa, cực kỳ xinh đẹp, cả nước Ấn-độ không ai sánh kịp. Nhưng tiếc thay, nàng ấy làm nghề kỹ-nữ, cái nghề mà xưa bên Ấn-độ cho là hết sức đê-tiện.

Một hôm ~~đang~~ ~~va~~ ~~đây~~ gặp một việc bất ngờ làm cho nàng phải buồn rầu thất-vọng, chán ngán cả cuộc đời, định muốn tìm Phật để cầu xin xuất-gia. Nàng quyết chí ra đi, song được một khoản đường thì đã mệt mỏi. Ngay bên đường có cây đại-thọ, nàng liền ghé vào nghỉ mát. Bên cây đại-thọ, có khe nước rất trong sạch. Nàng toan rửa mặt cho đỡ nóng; nàng ngó xuống nước thấy mặt nàng xinh đẹp mà tiếc, không nỡ đem vùi dập dưới lốt nấu sùng, nên nàng lại muốn trở về sông với cuộc đời náo-nhiệt, lạnh lẽo theo cánh phù-hoa để khỏi phụ cái vẻ hoa cười nguyệt thẹn.

Lúc ấy Phật đương thuyết-pháp trong non Kỳ-xà, biết nàng Liên-Hoa có túc-duyên với Phật-pháp, liền hóa ra một người mỹ-nữ xinh đẹp hơn nàng thập bội, đến gần nàng mà trò chuyện. Nàng Liên-Hoa trông thấy mỹ-nữ lầy lăm ngạc nhiên, vì nàng tưởng cổ-kim chưa dễ có ai đẹp hơn mình. Nàng thấy cái nhan sắc tuyệt-diệu kia, bỗng đem lòng cảm phục và yêu mến. Hai người đôi diện đàm tâm rất là mật-thiết, tuy là sơ ngộ mà như đã quen biết lâu năm.

Trong một lúc, mỹ-nữ ra vẻ đau đớn nhọc mệt, nàng Liên-Hoa bèn đưa chân ra để bạn kê làm gôi và lấy những lời dịu dàng thăm dăm đề an ủi; song chẳng bao lâu mỹ-nữ đã thiếp ngủ, không biết gì nữa. Một hồi lâu nàng Liên-Hoa nghe chân hơi mỏi, liền lấy tay sẽ đỡ đầu bạn lên, thì ối thôi, cái thân ngọc ngà kia đã thành một cái thây ma lạnh ngắt. Nào là thương tiếc, nào là buồn rầu, nào là sợ hãi, trong khi những cảm-tình tương-phản ấy đương làm cho nàng bồi rồi bâng khuâng, thì cái thây ma kia đã bắt đầu xanh xám, phình to lên, da thịt nứt nở, dòi bỏ tá, nhúc, hơi thối bốc lên bóng bệt làm cho nàng không chịu nổi. Chốc lát, thây ma bắt đầu tan rã: tay, chân, mặt, mũi, răng, tóc, mỗi cái mỗi nơi, hiện ra một đồng tanh hôi dơ dáy. Đứng trước cảnh-tượng gớm ghê ấy, nàng Liên-Hoa tự nghĩ: « Bạn ta mới đây là một người tuyệt sắc giai nhân, nào mày làm mất phượng, nào má phàn môi son, nào tóc xanh lán mượt, nào cử chỉ dịu dàng, bao nhiêu cái vẻ yêu kiều mỹ-lệ ấy đã làm cho ta đây cũng phải nhường là bậc đứng đầu trong hàng son phấn. Nhưng bây giờ thì chỉ một đồng hôi tanh, ruối lảng bu đậu, sâu dòi rúc ráy, không còn ai dám ngó đến nữa. Xem người lại ngắm đến ta, người đã thế ấy, sau ta thế nào? » Nghĩ vậy nàng Liên-Hoa mới vờng chỉ ra đi, quyết tìm đến chỗ Phật để mong cầu xuất-gia học đạo, hầu thoát cái khổ sanh tử.

Sau khi lễ Phật, nàng bèn thuật lại cái cảnh vô thường mà nàng vừa mục kích. Nghe xong, Phật dạy rằng:

« Ở đời có bốn cái không bao giờ nói trước cho ta biết là cái già, cái chết, cái biệt-ly và cái phân-tán.

Người ta dầu xinh đẹp mạnh mẽ đến đâu rồi cũng phải bỏ thời kỳ ấy mà bước qua thời-kỳ già yếu, và chẳng bao lâu cái chết đã đến sẵn một bên, dầu chồng vợ quyến luyến, con cái thương yêu, bạn bè triu mến cũng không thể vãn hồi được ; dầu lâu dài cung điện, vàng bạc của cải cũng đều phải phân tán, không thể nào đem theo được. Nói xong Phật đọc một bài kệ, đại ý như sau :

« Người đời có sanh tất nhiên phải có già, có già tất nhiên phải có bệnh, có bệnh tất nhiên phải có chết; bốn cái kho ấy dù thân mật như cha con, thương yêu như chồng vợ, triu mến như anh em cũng không một ai thay thế cho mình được. Cái già của con người nó đi một cách rất mau chóng, nó không hẹn một năm, đôi năm, một tháng, đôi tháng, mà chính trong một ngày một giờ một ly, một phút một nháy mắt, nó cũng đã già lán; cái già nó đi đến một cách rất bí-mật, không thể đem con mắt tục mà thấy được. Đến sau hơi thở cuối cùng, cha con, chồng, vợ bạn bè, anh em, cho đến cửa cao nhà kín cũng phải bỏ lại cho đời, chỉ mang theo một cái nghiệp rồi tùy theo nghiệp lành hay dữ mà chịu quả báo trong kiếp khác. Cuộc đời đã đời như vậy, khổ sở như vậy, sao chúng người cứ say đắm mê mang theo hoàn cảnh, chấp ngã, chấp nhơn, không hồi tỉnh lại mà nhân cái chơn-thể thường tồn của chúng người trong cái vô-thường giả dối ấy, dễ khỏi chịu thiệt thòi trong đường sanh tử ».

Nàng Liên-Hoa nghe Phật dạy như thế, liền qui trước Phật phát nguyện xuất-gia ; từ đó nàng tinh-tân tu hành, chẳng bao lâu đã chứng được quả A-La-Hán.



## Phiên-Nào Tức-Vô-Đề

### VÔ - NGÃ

Ba-Rãm thấy thiên-hạ đua nhau học kinh cũng gắng gỏi đi học. Học đã lâu, nghe chi chi những là « thường-cứ phi-thường cứ », nó khó đã phi-thường ; Ba-Rãm rằng bỏ học ít chữ đề khoe với chúng bạn mà tuyệt nhiên không lợm được chữ nào cả.

Một hôm nghe một thầy Đại-học giảng lý vô-ngã, Ba-Rãm hỏi phăng lẩn, hiểu được một ít mừng quá, về chùa gặp chú thủ-khò là Bác-Giới chỗ nào cũng giảng lý vô-ngã, làm cho Bác-Giới vác cả tai, nốt cả ruột, vô bết Ba-Rãm cũng theo vô bết, ra sau vườn Ba Rãm cũng theo sau vườn, không biết ngã nào mà tránh. Hôm sau, lúc trời gần tối, Ba-Rãm tìm Bác-Giới để thuyết-pháp, tìm mãi không thấy, ra đến sau vườn, trong miệng lập đi lập lại những lý-luận về thuyết vô-ngã. Thình lình nghe sau lưng cái đập thiệt mạnh như một vật gì từ trên cây nhảy xuống; Ba-Rãm sợ hoảng, chuang tay run rẩy, bò cấn bò lết, la tiếp cứu ỉnh ỏi. Cứu-Giới chạy ra, đỡ Ba-Rãm dậy, kêu gọi cho Ba-Rãm hết hoảng hốt và gan hỏi nguyên cớ.

Ba Rãm mặt không còn chút máu, trông ngược đánh bình thịch dơ tay chỉ sau lưng một cách rất khủng khiếp và lặp bập nói « Ma.....ma.....! » Cửu-giới ngó lại phía sau thấy Bát-Giới đang chạy đến cười sần sặc: « Mà gì mà ma, tôi nhất anh chơi chờ làm gì có ma ».

Ba-Rãm thẹn đỏ mặt, đỏ râu nói: « Tôi lên thưa thầy cho chú coi, chơi cái gì mà nghịch quá quỷ sứ làm cho người ta sợ hết hồn ».

Bát-Giới hỏi: « Người ta sợ hay anh sợ? »

Ba-Rãm. — Nói sợ chơi ai.

Bát-Giới. — Anh và nghe anh thường giảng lý vô-ngã; đã là vô-ngã thì tôi nhất mặc tôi, can gì anh mà sợ.

Ba-Rãm nói. — Vô-ngã theo chuyện kia, chơi bình linh như vậy, vô-ngã sao được, để tôi lên thưa thầy coi chú có vô-ngã được không.

Bát-Giới năng nỉ. Anh em chơi với nhau, rồi thì thôi, xin anh đừng thưa thầy, thầy bẻ tôi tội nghiệp.

Ba-Rãm. — Chơi nghịch như chú may tôi dạn gan chơi không thì đã hoãng hết mà chết, bẻ lại không đáng hay sao?

Bát-Giới. — Đáng thì đáng thiệt, nhưng tôi xin hỏi anh học lý vô-ngã để làm gì?

Ba-Rãm. — Để thuyết pháp độ sanh chơi để làm gì.

Bát-Giới. — Thuyết pháp làm sao lại độ sanh dặng?

Ba-Rãm. — Họ nghe thuyết pháp, họ theo pháp tu hành được giải-thoát, thế là độ sanh chơi gì.

Bát-Giới. — Vậy anh có ứng giải-thoát không?

Ba-Rãm. — Ứng lắm chơi, không ứng thì ở chùa làm gì.

Bát-giới. — Thế sao anh không tu phép vô-ngã?

Ba-Rãm. — Sao lại không tu, nhưng khó lắm chú ạ, nói vô-ngã thì dễ, chơi làm cho được vô-ngã họa chăng là ông Thánh.

Cửu-Giới tiếp nói. —Này chú Ba-Rãm, theo ý chú thì làm ông Thánh rồi mới tu vô-ngã, hay tu vô-ngã rồi mới làm ông Thánh ?

Ba-Rãm. —« Tu vô ngã rồi mới được thành ông Thánh, nhưng việc gì vô-ngã được thì vô-ngã, còn việc gì chưa vô-ngã được thì phải tu lần.

Bát-Giới. —Mấy lâu tôi nghe anh giảng mãi thuyết vô-ngã, tôi tưởng anh được vô-ngã nên tôi mới nhất chơi, vậy xin anh bỏ qua cho.

Ba-Rãm. —Tôi quyết định không bỏ qua.

Cửu-Giới. —Tôi cũng xin chờ Bát-Giới, lúc nào linh chú không vô-ngã được thì thôi, chờ việc đừng thừa thày la việc chú làm được, nếu chú không làm thì biết bao giờ cho được vô-ngã.

Ba-Rãm vừa cười vừa vái. —Tôi xin vâng lời anh Cửu-Giới và tôi cũng xin lạy chú Bát-Giới, hãy đợi tôi chúng quả vô-ngã đã, rồi muốn nhất mấy thì nhất.

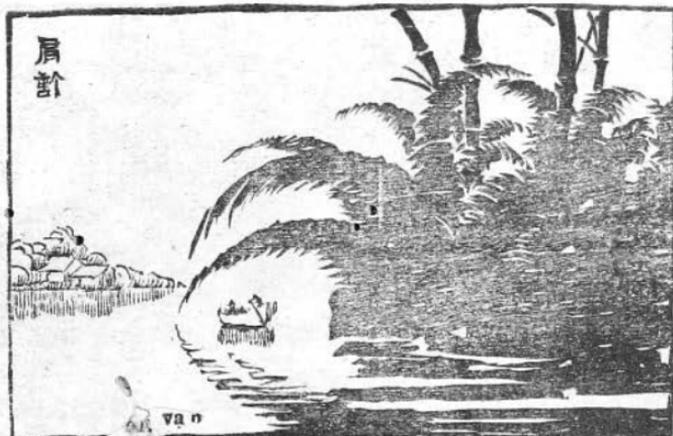
Bát-Giới nói. —Tôi làm thế nào mới biết anh đã được vô-ngã ?

Cửu-Giới nói. —Thì chú cứ nhắc như hồi nãy.

Ba-Rãm hoảng kinh nói. —Chú Bát-Giới, anh Cửu-Giới nói thì nói, nhưng chú phải chờ tôi tu vài mươi năm nữa đã, chờ đừng thừ vội mà khốn...

Cửu-Giới





# THI-LÂM

Họa vãn bài thơ « Đọc báo Viên-Âm » của cụ Thúc-Gia

Viên-Âm nghĩa lý rất thâm trầm,  
 Khên khéo tìm tòi dịch phạm-âm.  
 Xử thế phải tu theo đạo Phật,  
 Làm người khỏi thọ với lương tâm.  
 Lục căn nên rõ cấu nhưn quả,  
 Ngũ cảm đều rãng giới đạo dâm.  
 Khuyên bảo cùng nhau mau tỉnh ngộ,  
 Họa may mới lớt sự sai lầm.

Trước gió xa đưa nức khói trầm,  
 Xul lòng thường niệm đức Quan-âm.  
 Tu hạnh nào phải xa trần tục,  
 Thanh tịnh thời mau rặng đạo tâm.  
 Giác mộng lục căn mong giải thoát,  
 Nên hương thập nguyện vãi lăm dâm.  
 Khên ai khéo soạn Viên-Âm báo,  
 Đước tuệ soi chung khỏi lỗi lầm.

Họa vãn như trước và tức sự

Khoát gối am mây ngấm bèo trầm,  
Cuộc đời chi khác bóng quang âm:  
Lợi, danh, lâm kẻ tranh quyền vị,  
Từ, ái, ai người giữ đợc tâm.  
Cách-trí diễn phò nhiều nghiệp sát,  
Văn-chương tô-điểm những lời dâm.  
Mong sao thiên-hạ đều theo Phật,  
Giác tỉnh cho nhau chớ lỗi lầm.

Trước án hương đưa tỏa khói trầm,  
Mơ màng như thấy đức Quan-Âm.  
Diễn ra kinh điển đầy ba tạng,  
Rút lại tu hành chỉ một tâm.  
Có biết sanh-không còn thế tục,  
Mới hay pháp-ái cũng tà-dâm.  
Khuyến ai hãy gắng công tri niệm,  
Tĩnh-độ là đây, quyết chẳng lầm.



DIỆU KHÔNG

Giác mộng đời

Gẫm cuộc chiêm-bao lưỡng nực cười,  
Cũng tình cũng cảnh cũng buồn vui.  
Đeo theo sự vật mà mê mãi,  
Chấp lấy trần duyên chẳng muốn thôi.  
Oán oán ân ân gây làm chuyện,  
Thương thương ghét ghét bận luôn đời.  
Hỡi ai đã biết đây là mộng !  
Biết mộng thì xin hãy bước lui.

Biết mộng thời xin hãy bước lui,  
Dưới trần nào có sự chi vui.  
Nay theo ngũ dục mà mê mãi,  
Sau mắc tam đồ lưỡng khổ thôi.  
Hãy ngó đời người không mấy chốc,  
Thử xem sự thế động bao hồi ?  
Những phương khải tướng xưa đâu cả,  
Kia đám mỡ-hoang, vết nắm vôi.

Khuyên hãy đừng nên đắm sự đời;  
Sự đời nào thấy có chi vui.  
Vui là vui gương, vui hư huyền,  
Hư huyền thời xin bớt đắm thời !

*Tức cảnh*

Noa nước Châu-E khéo lạ lòng,  
Kìa rừng kia núi nọ kia sông.  
Cho hay cõi tịnh, thân thường tịnh,  
Rõ đặng tâm không, cảnh mới không.  
Đầu biển muôn hình đều huyền biển,  
Nhưng ~~qua~~ vạn pháp thấy dung thông.  
Nhắc ~~đến~~ muốn rõ nguồn chơn ấy,  
Gắng xét cho ra cái thể Đồng.

Gắng xét cho ra cái thể Đồng  
Sá gì vạn vật Có cùng Không.  
Trong Không mà Có, sao rằng Có ?  
Bởi Có mà Không, chớ gọi Không.  
Tâm trí viêo minh Không ấy Có,  
Tinh thần mê hoặc Có là Không.  
Không Không Có Có đều không có,  
Thể mới ra ngoài Có với Không !

*Xem hoa*

Trăm hoa đua nở vẫn là xinh,  
Xấu đẹp hơn thua, rõ lý minh.  
Vạn vật cũng không mà cũng có,  
Ai người ngấu n cảnh phải cho tình.

DIỆU-KHÔNG



# THẬP PHƯƠNG LAI CÀO

## MỘT CHỨNG BỊNH CỦA NGƯỜI TU

Nhơn thấy trong khoảng vài năm lại đây, trên các báo chương thường có đăng những bài « Cầu đạo » của một đôi cư-sĩ ; trong bài « cầu đạo » ấy thường thấy những câu : « Nếu ai còn nghi ngờ lời phê-bình của Mỗ Mỗ này, nếu ai nghĩ lý thuyết kia là mờ hồ không đúng với sự thật, xin thỉnh đến tệ xá hội-kiến cho rõ thiệt hư ; nếu hơn được Mỗ Mỗ thì Mỗ Mỗ tình nguyện bái làm sư-phó, dâng lễ cầu đạo, v.v. »

Tôi đọc mấy câu ấy thấy giống hệt với mấy câu mà trước kia tôi đã từng đăng lên mặt báo, nên tôi viết bài này để thổ lộ chơn-tích, hầu mong được vài phần lợi ích cho những người đồng bịnh. Tôi nói đồng bịnh, vì đó là lối tiêu-biểu của một chứng bịnh rất nguy hiểm trong đường tu tập, một chứng mà xưa kia tôi đã mắc phải trong một thời-kỳ khá-lâu vậy.

Chứng bịnh ấy là gì ? Bịnh là cái bịnh « ngã-mạn », cái bịnh « muốn làm thầy thiên-hạ ».

Thường thường bề trong mình đau bịnh gì thì bề ngoài phát ra chứng này chứng khác ; nay tôi hiện thấy các chứng bề ngoài giống như chứng bịnh của lối nên tôi biết là đồng bịnh.

Hồi tưởng lại 5, 6 năm về trước, tôi mới học lem nhem một vài điều trong Phật-giáo, tôi ngỡ là Phật-pháp chỉ tóm tắt có bấy nhiêu, là tôi đã lão-thông tất cả sự lý cao thâm của Phật-giáo.

Đường đạo như một cái thang dài, tôi mới bước lên một nấc, không dòm lên trên, tưởng tôi đã lên đến cuối cùng rồi. Tôi dòm xuống dưới, thấy tôi cao hơn mọi người, vì thế nên tôi phát ra cái bịnh « ngã-mạn », cái bịnh « muốn làm thầy thiên-hạ ».

Cũng như một người đánh cờ kia, tưởng mình đánh cao không ai bằng, treo bản khêu khích ai đánh hơn mình thì xin làm đệ tử, kỳ thiệt trong ý người ấy chỉ tưởng mình là cao tốt rồi, chỉ lo làm thầy người ta, chớ bao giờ chịu làm đệ-tử. Trong khi [ôi] mắc bệnh ấy, tôi cũng đăng lệp báo chỉ những bài « cầu đạo », khêu khích ai thông đạo-lý hơn mình thì xin làm đệ-tử, mà kỳ thiệt tôi tưởng tôi giỏi hơn cả thiên-hạ, chỉ lo làm thầy người ta chớ bao giờ chịu làm đệ-tử.

Tôi lại thường phê-bình người này người khác, chê bai những bậc đại-đức trong chốn Tông-lâm, tự nghĩ rằng ngoài mình ra không còn ai hiểu Phật-Pháp nữa.

Về sau, tôi đọc lại mấy bài tôi đã đăng, tôi thấy rõ rằng những lời nói của tôi toàn là những lời tự tôn tự đại, trái hẳn với đạo-đức; tôi mới nhận biết là tôi mắc bệnh « ngã mạn » mắc bệnh « muốn làm thầy thiên-hạ ». Tôi tự so sánh với các vị đại-đức thì thấy tôi thua nhiều, tôi thua vì cái đạo-đức của tôi chỉ ở đầu mũi má thôi. Từ ấy tôi hết sức sám-hối, lo tu tập để trừ cho hết lòng ngã-mạn.

Đến nay tôi đọc báo thấy có những bài như bài của tôi nên tôi động lòng thương xót; nếu tác giả các bài kia trong lòng thiệt không muốn cầu đạo mà có bệnh ngã-mạn như tôi thì tôi nguyện cho họ biết tội lỗi mình và mau mau tìm phương cứu chữa.

VÔ-NGÃ (Bà Rịa)



# Thơ từ vãng lai

## THƠ HỎI

Kính ông chủ-bút Viên Âm,

Tôi xem Niết-bàn tạp-chí số 54, bài Đạo-đức vấn đáp của ông Bạch-Liên nói như sau đây :

Tam Thánh dưới Phật một bực, đối với Phật thì Tam-Thánh vẫn còn vô-minh,

« Phật dưới Ngọc-Đế một bực, đối với Ngọc-Đế thì Phật vẫn còn vô-minh,...

Nguyên văn như thế đó

Tôi là bạn đọc chưa phải thi giờ nghiên-cứu mà cũng chưa hiểu, vậy xin ông làm ơn biện-chánh và thích-nghi giúp cho đoàn học Phật tương-lai, nếu như Phật còn vô-minh thì người học Phật chẳng là vô-ích lắm sao?

Người đọc báo

## Trả lời

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Tiếp được thơ ngài, biết ngài tuy chưa hiểu Phật-pháp, song không chịu tin càng những lối biện-luận sai lầm của ngoại-đạo, thiệt ngài cũng đã vun quén thiện-căn lâu đời lâu kiếp mới được vậy.

Ngài thấy trong Niết-Bàn tạp-chí nói Phật còn vô-minh nên ngài phát lòng nghi hoặc nhờ chúng tôi giải quy ết; chúng tôi xin nhắc lại ngài rằng Niết-Bàn tạp-chí là một tạp-chí của đạo khác, chứ không phải là tạp-chí của đạo Phật, họ chẳng biết Phật là chi, chẳng biết vô-minh là chi, thì phỏng lời nói của họ còn có giá-trị gì mà ngài lại phải nghi ngờ cho nhọc trí.

Niết-Bàn tạp-chí tin có Phạm-Vương sáng tạo muôn vật mà sau khi Viên-Âm chúng tôi đăng bài Phạm-Vương và Tao Hóa, không thấy họ biện bác một lời gì, chỉ thấy họ nói suông một câu là: « Dầu ai nói chi thì nói, chúng tôi cũng tin là có ông Phạm-Vương ». Thế là đủ biết chỗ tin-ngưỡng của họ là chỗ tin-ngưỡng suông, trái với lý đoán chắc chắn . Lối tin-ngưỡng của họ đã như vậy thì quyết định họ không biết được thế nào là chánh-lý, đã không biết được thế nào là chánh-lý thì làm gì họ phân biệt được thế nào là vô-minh, thế nào là Phật, thảo nào họ chẳng đem lời nói suông mà phân biệt giai-cấp và nói rằng Phật còn vô-minh ! Niết-Bàn tạp chí mà nói như vậy là lẽ tất nhiên, vì họ chưa biết thế nào là Phật-pháp cả. Song nào phải họ chỉ không biết Phật-pháp mà thôi đâu, chính họ cũng không biết Đạo-Giáo của ông Lão-Tử nữa. Họ tin Đạo-Giáo nơi các tiêu-thuyết, nơi các ngoại truyện nên họ nói có Tam-Thánh, có Ngọc-Đế, nhưng thiệt ra Đạo-Giáo của ông Lão-Tử thì không phải thế. Lối tin Đạo Giáo của họ cũng như lối tin có ông Tề-Thiên theo truyện Tây-Du, lối tin có bà Diễm-Mẫu theo truyện Phong-Thần chớ không chi khác.

Chúng tôi nói như vậy không phải là bất không có chư Thiên đâu ; theo đạo Phật, thiệt cũng có nhiều thế-giới sung sướng hơn thế-giới người gọi là chư Thiên : có Lục-Dục-Thiên, Tứ-Thuyền-Thiên, Tứ-Không-Thiên. Lục-Dục-Thiên và Sơ-Thuyền-Thiên thì còn có vị Thiên-Vương cầm quyền cai-trị, chớ từ Nhị-Thuyền trở lên thì không có Thiên-Vương cai-trị, duy suy tôn các bậc đạo cao đức trọng làm bậc lớn, có khi cũng tạm gọi là Thiên-Vương mà thôi.

Thiên-Vương và chư Thiên trong những cõi trời kia còn trong vòng tam-giới, còn là chúng sanh, còn phải luân-hồi trong lục-đạo, so với một vị Tu-Đà-Hoàn còn thua xa huống nữa là so với Phật.

Ngài là một người có hột giống chánh-tin, phạm việc gì ngài nên suy xét cho đủ lý nghĩa rồi hãy tin, đến như những lời nói suông, những lời nói không đủ lý thì dầu

người xướng ra thuyết ấy là bực nào, ngài cũng nên gạt bỏ ngoài tai, chớ đừng để cho tà-giáo làm rối loạn tâm-trí.

Bấy nhiêu lời bàn giải cho ngài khỏi đều nghi hoặc và xin chúc ngài « thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải ».

VIÊN-ÂM

## VỀ THUYẾT CÁI « HỒN »

### THƠ HỎI

Kính Ngài chủ-bút Viên-Âm Nguyệt-San,

Trước chào Ngài, sau xin phép hầu chuyện. Thưa Ngài, lẽ ra độc-giả này không giám làm rộn cho nhọc lòng ngài, nhưng thiết vì một điều cần phải tham vấn cho hết chỗ nghi; tưởng Ngài đã sẵn lòng lãnh trọng trách của qui báo là cất « để biện hoặc hiền chơn, đoạn nghi sanh tín » cho đời, thế nên mới dám đánh bạo thổ-thể mà hỏi vài điều dưới đây :

Điều thứ nhứt : Độc-giả này đối với Phật-giáo sở học rất ít-ỏi, sự biết quá hẹp-hòi : nhứt là Pháp-Tướng-Tôn, Duy-Thức-Học, Tỳ-Ba-Sa-Luận, Cu-Xá-Luận và Du-Dà-Sư-Địa-Luận lại chưa kịp nghiên-cứu, dịp may, trước đây được xem Viên-Âm có đôi chỗ nói đến Duy-Thức-Học nên đối với thuyết cái « Hồn » của qui báo định tánh cách đó thì gia tâm xem xét hơn hết. — Ngoài ra như bài « Trả lời bức thơ của ông N. D. B. về cái « Hồn » của báo Viên-Âm, bài « Phúc biện cái « Hồn » của ông Bích-Liên thích nghi về vấn đề cái « Hồn » của Từ-Bi-Âm đều đăng trong Từ-Bi-Âm — Kể đến « bài quyết nghi về bài... » đăng trong qui báo số 19 thì những lời vàng ngọc của qui báo, đã hi-sanh về sự nghiên-cứu mà ra hoẵng-pháp, lắm lúc gan lọc trao-dồi, khác nào « Kim dĩ ly khoán, ngọc dĩ xuất thác » nhờ đó — về thuyết cái Hồn — mà sự xem-xét của độc-giả này mới có phần kết-quả.

Xem đến qui báo số 20 mục «Thập-Phương lai-cáo» phần chữ «A» khoản (III) có đăng : « lời phê-bình về vấn-đề cái Hồn mà hai tờ Phật-Học... » của ông Cao-văn-Sấm ở núi Sập thì ôi thôi ! sự kết quả trên kia phần thành bất quả... vì chú mục lộn tròn, vì kinh lẫn bến, đã bảo không Hồn mà khiến lộn Hồn, thì mấy kẻ nỡ sợ càng thêm nhối-sợ, rồi biết đâu làm chỗ qui thú ? ? vì lời « phê bình » cho ba bên đều phải cả. Ôi ! lý vô nhị thị, huống nữa Phật-pháp có tông-chỉ đặc-biệt kia mà.

Theo thiên kiến của độc-giả này tưởng : khác nào lựa dặng viên ngọc trong đồng miếng-sành, đã rửa sạch bụi lấm lại hốt bùn sinh mà thoa vào, chẳng là... lấm ru ? hay là Ngài có cao kiến đặc-biệt thế nào mà dặng bài ông Sấm ?

Điều thứ hai : Mấy câu của Ngài và Viên-Âm hỏi Ngài Bích-Liên và Từ-Bi-Âm dặng trong qui báo số 13 và 19 đó, đã bèn lâu rồi mà không thấy Ngài Bích-Liên và Tòa-soạn Từ-Bi-Âm trả lời, thôi thì xin Ngài tự trả lời luôn cho, chớ hỏi ra rồi hai bên cũng bỏ qua thì thất vọng cho độc-giả lấm. Độc-giả này hết lòng yêu cầu Ngài.

Hai điều thỉnh giáo trên xin Ngài bắt lân từ-bi tức hiện cụ-sĩ thân nhi vị thuyết pháp.

Độc-giả Viên-Am.

KHÁNH-ANH Tra Vinh

## Trả lời

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Tiếp được thơ ngài biết ngài có lòng hộ-pháp, chỉ chỗ sơ suất của tôi về công việc hoằng-pháp, đã làm cho nhiều độc-giả sanh lòng nghi hoặc, tôi xin thành tâm sám-hối.

Thưa ngài, bài của ông Cao-văn-Sấm thiệt không nên dặng, song vì thấy lòng cầu đạo khẩn-thiết, nên tôi bắt nhẫn phải dặng lên Viên-Âm, hầu mong có các vị thiện-

tri-thức gặp dịp đến Núi-Sập để chỉ điểm ông một đôi lời đặng đem ông về đường chánh.

Đầu bài ấy, chúng tôi cũng muốn đề ít lời tòa-soan cho độc-giả khỏi nghi hoặc, song ngặt vì chúng tôi đứng về cái địa-vị « bị phê-bình », lại là « bị phê-bình suông », nên khó nài giải-bày cho cạn lẽ, đành phải giao quyền phán đoán cho con mắt trách-pháp của độc-giả. Huống chi nơi đó không có lý gì phải bắt, mà những lý đáng bắt thì chúng tôi đã bắt trong các bài trước rồi.

Vả lại lời lẽ của Từ-Bi-Âm đều có viện-đến kinh điển, cái lỗi của Từ-bi-Âm là do họ đem Thi-Giáo lộn Tiêu-Giáo, rồi lấy Tiêu-Giáo mà bắt Đốn-Giáo đó thôi. Cũng vì cái lỗi ấy nên Từ-Bi-Âm không thể trả lời những câu hỏi của Viên-Âm trong số 13 và số 19.

Mấy câu hỏi ấy thiệt ra thì dễ trả lời lắm, chắc tự mình ngài cũng đã tự trả lời rồi, song nếu trả lời cho đúng thì tất nhiên lại mâu-thuần với lý-thuyết của Từ-Bi-Âm nên Từ-Bi-Âm phải đề vạy cho yên chuyện.

Sau khi dịch Bát-Thức Qui-Cử rồi, chúng tôi sẽ làm một bài đặc-biệt nghiên-cứu về vấn-đề « Sanh-tử tương-tục » từ nơi « để-vỏng trùng trùng, nhơn-quả đồng thời » cho đến các phương-tiên của Phật về vấn-đề kia, ngài đón xem thì sẽ rõ chỗ phải và chỗ quấy của Từ-Bi-Âm.

Sau này xin chúc ngài đạo thể khinh an, biện tài vô ngại.

TÂM-MINH



# Việc Hội

## • CỤ PHÓ TOÀN-QUYỀN, CHÂTEL VỀ PHÁP

Nhơn dịp Cụ Phó Toàn-Quyền Châtel, Danh-dự Hội-trưởng về Pháp nghỉ, hội An-Nam Phật-Học có thiết lễ cầu an tại chùa Trúc-Lâm.

Sáng ngày 5 Septembre 1936, Ngài Giác Tiên làm lễ Khai kinh, rồi cả ngày các thầy tụng niệm để cầu chư Phật, Bồ-tát gia-hội cho cuộc hành-trình được muôn sự lành.

Đúng 11 giờ khuya ấy, hội cử hành đại-lễ. Hai ngài Tăng-Cang Linh-Mụ và Từ-Hiếu niêm hương, các ngài Chứng-Minh Đạo-sư, các vị Tăng-Già, các thầy Đại-học, Trung-học, các điện Tiều-học và các hội-viên đồng làm lễ, có cả Cụ Châtel, Danh-dự Hội-trưởng cùng các quan Tây, Nam đến dự.

Lễ tất, Cụ ra nhà khách nghe các em bé hát những bài chúc mừng và cầu nguyện Cụ đi về được muôn sự yên hảo. Nghe xong cụ rất cảm động, tỏ lời cảm ơn tất cả hội viên.

Hội chúng tôi rất lấy làm vinh-hạnh được tiếp Cụ Khâm-Sứ Đại-Thần, các Cụ và các quan Tây, Nam và rất cảm tạ các ngài đã có lòng đến dự, làm cho lễ cầu an hôm ấy được thêm phần trang nghiêm long trọng.



---

## Hai ông Đại-biểu Hội Lương-Xuyên Phật-Học Travinh ra thăm

Vừa rồi hai ông Nguyễn-văn-Thọ và Nguyễn-văn-Trọng, Hội-Viên Đại-biểu cho Hội Lương-Xuyên Phật-học Travinh ra Huế viếng Hội An-Nam Phật-Học chúng tôi, chúng tôi rất cảm tạ Hội Lương-Xuyên Phật-Học và hoan-nginh hai ông Đại-biểu.

Chúng tôi có ước hai ông đi thăm các nơi danh sơn thắng cảnh, các Phật-học-đường, và giới-thiệu hai ông với các ngài đại-đức ở Thuận-kinh.

Trong khi đàm luận Phật-Pháp và bàn giải về lối uyên-dương chánh-lý, chúng tôi và hai ông Đại-biểu đều tâm đầu ý hiệp; mong sao sự liên lạc hai Hội ngày càng khăng khít để cùng bắt tay nhau trên con đường hoằng-pháp lợi sanh về sau, sau xa này.

P. H. H.

### Tư-cách Pháp-nhân (capacité juridique)

Chiếu theo nghị-định số 394 S ngày 10 Aout 1936, Quan Toàn-Quyền René Robin đã cho phép Hội An-Nam Phật-học được Tư-cách Pháp-Nhân.

### Đất làm Hội-quán

Ngày 24 Avril 1936, Cu Thượng-Thor bộ Tài-Chánh đã ký Nghị-định cho Hội An-Nam Phật-Học miếng đất « quang phòng » ở phường Phú-Hoà, chu-vi được 4457 thước vuông để làm chùa hội-quán.

Miếng đất ấy phía bắc giáp cái hồ trước mặt thành, phía nam giáp con đường Thuộc-địa số 1, phía đông giáp miếng đất của Hội Mỹ-Hoà, và phía tây giáp với miếng đất trống cũng thuộc về đất « quan phòng ».

Vậy Hội Phật-học chúng tôi rất vui mừng và cảm tạ.

# Những khoản cốt yếu trong Điều- lệ của Hội An-Nam Phật Học

## Danh-hiệu và hội quán

*Điều thứ nhất.*— Danh-hiệu của Hội là «Annam Phật-Học-Hội», viết tắt là : S E E R B A (Société d'Étude et d'Exercice de la Religion Bouddhique de l'Annam).

Hội-quán tại Huế.

## Mục-dịch

*Điều thứ nhì.*— Mục-dịch của Hội là thiệ-hành và truyền-bá đạo Phật. Muốn đạt được hai mục-dịch ấy, Hội dùng những phương-pháp như sau này :

a) Tổ-chức những nghi-lễ và dâng-tràng đề hội-viên cùng dưỡng Phật, những cuộc giảng Pháp, thuyết pháp và những lớp giảng dạy kinh điển để cho hội-viên hiểu ngộ chơn-lý của đạo Phật.

b) Đào-tạo những ông thầy đủ tư-cách hoằng-tuyên Phật-pháp.

c) Lập những cảnh chùa đúng theo giới-luật và qui-tắc đạo Phật để làm cơ-sở cho nền chơn-tín.

d) Lập thư-viện và chỗ xem kinh sách để cho hội-viên nghiên-cứu Phật-giáo.

e) Dịch-dịch và ấn-hành kinh điển của đạo Phật, xuất bản những báo-chi để hoằng-tuyên Phật-pháp.

f) Hộ-trì, khuyến-kích các thầy chơn-tu và tổ-chức những phước-sự khác tùy theo lực-lượng và tài-chánh của Hội.

Các ngài giảng diễn phải có ban Đại-Chứng Minh Đạo-Sư ưng thuận mới được thỉnh.

Đề-mục những bài giảng diễn, chương-trình những lớp học, trường học của Hội phải trình trước cho quan sở-tại biết.

Trước khi lập được Hội-quán, Hội sẽ nhóm tạm thời trong một chùa ở Hué.

Lựa chùa nào là phần việc của ban Trị sự.

*Điều thứ ba.*— Trong hội-quán không được luận bàn về chánh-trị và công-kịch các Tôn-giáo đã có chương đứng trong bản xứ.

### Hội-Viên

*Điều thứ tư.*— Hội có những hội-viên như sau này :

- A) Tăng-già hội-viên
- B) 1. Sáng-lập hội-viên
- 2. Ân-nghĩa hội-viên
- 3. Tân-trợ hội-viên
- 4. Vinh-viễn hội-viên
- 5. Thiệt-hành hội-viên
- C) Tùy-hỷ hội-viên

A) Tăng-già hội-viên là các bực Tí-Kheo và Sa-Di đã vào Hội ; các bực này chỉ nộp nguyệt-liêm 0\$20, khỏi phải góp tiền nhập Hội. Nếu nào tình nguyện không nhận nguyệt-san thì chỉ nộp 0\$10 nguyệt-liêm. Bực này không dự vào cuộc Đại-hội-đồng.

B) 1.— Sáng-lập hội-viên là các hội-viên đã có công sáng lập Hội ; sáng lập Hội-viên chỉ khỏi đóng tiền nhập Hội chớ vẫn đóng tiền nguyệt-liêm như các hội-viên khác.

2.— Ân-nghĩa hội-viên là các hội-viên có đạo tâm giúp cho Hội một số bạc từ 100\$00 sắp lên.

3.— Tân-trợ hội-viên là các hội-viên có đạo tâm cúng cho Hội một số bạc từ 50\$00 trở lên.

4.— Vinh-viễn hội-viên là hội-viên góp vào Hội một lần 30\$00 rồi thôi ; nếu trong một gia đình có nhiều người vào chừa Vinh-viễn hội-viên thì chỉ người đầu tiên góp vào Hội 30\$00, các người khác chỉ góp 20\$00 mà thôi.

5.— Thiết-hành hội-viên là các hội-viên đóng tiền nhập hội 1\$00 và góp nguyệt-liêm 0\$50. Nếu trong một gia-đình chồng, vợ, con cái đều vào chun thiết-hành hội-viên, thì chỉ có một người phải đóng tiền nhập Hội 1\$00 và góp nguyệt-liêm 0\$50 các người khác được miễn đóng tiền nhập Hội và chỉ góp nguyệt liêm 0\$20.

Thiết-hành hội-viên nào góp nguyệt-liêm 0\$50 thì được Hội tặng nguyệt-san.

Thiết-hành hội-viên ở các tỉnh khỏi đóng tiền nhập Hội.

C) Tùy-bỷ hội-viên là hội-viên khỏi đóng tiền nhập Hội, nhưng phải đóng trước vào Hội mỗi quý (ba tháng) là 0\$30, hoặc góp trước vào Hội một lần 10\$00. Hội-viên này không được bàn luận ở Đại-hội-đồng, không được cử vào ban Trị-sự, và không được tặng Viên-âm nguyệt san, ngoài ra thì quyền lợi (học kinh, nghe giảng, bày tỏ ý kiến vân vân) và phận trách (ăn chay, hộ niệm vân vân) đều như Thiết-hành hội-viên cả.

Những hội viên ở hạng B và C được Hội tặng một cái bằng theo hạng mình và một cái huy hiệu có chữ A (A Niết-Bàn), dấu riêng của Hội.



### Chi hội Đà-Nẵng

Chi-hội Đà-Nẵng của An-Nam Phật Học-Hội đã thành lập ngày 3 Mai.

Ông Vũ-như-Kim, Phó-sự tòa Thương-Chánh, được cử làm Chi-hội-trưởng.

Chùa của Chi-hội nay đang làm; công việc tiến hành rất mau chóng, chừng trog một tháng nữa thì làm xong chùa và nhà tăng.

### Chi-hội Đồng-hới

Chi-hội Đồng-hới của An-Nam Phật-học-hội đã thành lập ngày 23 Acút 1936.

Ông Hoàng Huỳnh-Tăng-Khiêm, làm việc tại Toà Sứ, được cử làm Chi-hội-trưởng.

Hiện nay hội-quán chưa làm kịp; trog những cuộc diễn giảng, hội-viên đều nh m tại nhà Tự-Đường của ông Huỳnh-Tăng-Khiêm.

### Giảng-đường ở Tuý-Vân

Hội-Viên của An-Nam Phật-Học-Hội ở Tay-vân, tổng Diêm-Trường đồng lòng xin lập giảng đường ở tổng ấy để tiện cho hội-viên trong tổng đến nghe giảng, nên Hội đã thiết lập một giảng-đường tạm thời tại làng Phụ-an, mỗi tháng giảng một kỳ về ngày rằm.

### Chùa Từ-Đàm

Ngày 16 tháng 6 tức là 2 Acút 1936, chư-son đã giao chùa Từ-Đàm cho Hội An-Nam Phật-Học phụng-tự. Nghĩ rằng chùa Từ-Đàm là nơi tổ-đình rất long-trọng, nên Hội đã phát-lâm nhận lãnh dựng trùng-tu lại cho tử-tế.

Vừa rồi hội có lập một Ny-học-trường tại chùa ấy; số ny-học-sanh cũng khá đông.

Hội đã thỉnh ngài Trường-Vân, Chứng-Minh Đạo-sư của Hội, trụ-tri chùa ấy và giám-đốc Ny-học-trường.

## Trường Tiểu-Học

Hội Annam Phật-Học lập ra trường Tiểu-học đã gần hai năm nay, số học-sinh được chừng 50 điệu; việc học hành vẫn cứ tiến tới và được kết-quả mỹ mãn.

Trước trường Tiểu-học dựng tại chùa Trúc - Lâm, qua mùa hè năm nay đã dời xuống chùa Túy-Ba (gần biển) để học-sinh hóng gió.

Bây giờ muốn cho các hội-viên lui tới dễ dàng và săn sóc học-sinh được tiện lợi, nên Hội sẽ dời trường Tiểu-học lên chùa Báo-Quốc gần nhà ga Huế.

Hiện nay đương lo sắp đặt bàn ghế, dọn dẹp lớp học, có đặt nhiều hội-viên xem sóc về việc ấy.

## PHỔ - CAO

Có nhiều độc-giả hỏi mua Viên-Âm từ số 1 nhưng vì nguyệt san ra đã gần hai năm, những số còn lại không đủ, nhất là những số 3, 4 và 5.

Vậy chúng tôi xin phép còn số nào thì gởi số ấy, khi nào tái bản sẽ gởi thêm cho đủ, xin các ngài vui lòng.

Còn ngài nào có dư ba số ấy, hoặc không cần dùng đến, xin gởi cho chúng tôi, chúng tôi xin gởi nguyệt-san số khác đổi lại.

### XIN CHÚ Ý

Xin các ngài cứ đếm từ số 13 đến số 24 là một năm (đừng kể tháng).

VIÊN - ÂM

**Phương danh những độc-giả Viên - Âm  
tra tiền năm thứ hai**

(tiếp theo những kỳ trước)

<b>Hà nội</b>		<b>Saigon</b>	
M. Thăm-hoàng-Tín	1\$00	M.M. Huỳnh-văn-Kiệt	2\$00
<b>Bac-ninh</b>		Nguyễn-văn-Giỏi	2.00
M. Dương-quảng-Hàm	2\$00	Nguyễn-văn-Tổ	2.00
<b>Ha-dông</b>		<b>Trảng-bàng</b>	
M. Tư-đàm-Thiên	2\$00	M. Nguy-văn-Khá	(trả năm thứ ba) 2\$00
<b>Hai-phong</b>		<b>Gia đình</b>	
M. Đỗ-văn-Truật	2\$00	M. Phạm văn Ngụy	1\$00
<b>Ninh-binh</b>		M <sup>lle</sup> Thích Nữ	2.00
M. Nguyễn-đăng-Trà	(trả lần thứ hai) 1\$00	<b>Tân an</b>	
<b>Sơn-tây</b>		M. Nguyễn hữu Dư	2\$00
M. Nguyễn-quốc-Khánh	2\$00	<b>Biên-hòa</b>	
<b>Vinh</b>		M.M. Trần văn Tạo	2\$00
M. Phúc-Lợi	2\$00	Nguyễn hèo Nhơn	(trả lần thứ nhì) 1.10
<b>Đồng-hới</b>		<b>Chợ-lớn</b>	
M.M. Nguyễn-văn-Điều	2\$00	M. Maurin Gaston	2\$00
Nguyễn-đình-Mân	2.00	<b>Baria</b>	
<b>Thừa-thiên</b>		M. Đỗ văn Tác	2\$00
M. Nguyễn-văn-Kiểm	2\$00	<b>Trà-vinh</b>	
<b>Nha-trang</b>		M.M. Nguyễn ngọc Châu	2\$00
M. Nguyễn xuân-Nhương	1\$30	Nguyễn lại Tân	1.00
<b>Quảng-ngãi</b>		<b>Bac-lieu</b>	
M <sup>re</sup> S. E. Cẩn-chánh Cô Tư	1.00	M.M. Thái đức Hòa	2\$00
<b>Sông cầu</b>		Ngô minh Hớn	2.00
Ngài Giáo-thọ Từ Pháp	2\$00	<b>Mocay</b>	
<b>Phan-rang</b>		M.M. Nguyễn văn Hoài	2\$00
M. Huỳnh-văn-Biêng	(trả năm thứ ba) 2\$00	Trần hữu Dụng	1.00
<b>Phan-thiết</b>		<b>Bentre</b>	
M. Nguyễn-đình-Chuẩn	2\$00	M.M. Lê khánh Hòa	2\$00
<b>Phompenh</b>		Đoàn văn Ngưu	2.00
M.M. Nguyễn-văn-Biểu	2\$00	Niêm đình (Giáo thọ)	2.00
Đình văn-Khương	2.00	Phạm văn Minh	2.00
<b>Laos</b>		Trần kỳ Thăng	2.00
M. Phạm-Chiêu (Đônghène)	2\$00	M <sup>re</sup> Lê thị Sây	2.00
		Nguyễn hữu Tài	2.00

(còn nữa)

# DỰ CÁO KỲ SAU



Thế nào là hoàn toàn ?  
Nho-giáo và Phật-Giáo  
Tứ-chánh-Căn, vân vân

Chúng tôi xin giới-thiệu :

## BỒ - ĐỀ tạp - chí

Cơ-quan của Hội

*Phật-Học Twong-Tê*

Do ngài Hòa-Thượng Lê-Phước-Chí chủ-nhiệm và ông Cựu-Hội-đồng Trần-phong Ngàn quản-lý.

Tòa-soan và ty Quản lý tại chùa Thiệu-Phước ở Kế Sách Soctrang.

Tạp-chí xuất-bản mỗi tháng một kỳ

**Giá**

Một năm . . . . .	2\$00
Sáu tháng . . . . .	1.10
Mỗi quyển . . . . .	0.20

Thơ và bài vở xin gửi cho Hòa-Thượng Lê-Phước-Chí.

Mandat xin gửi cho ông Trần-phong Ngàn.

MỘT SỔ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

# VIÊN - ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Huế

**TÒA-SOẠN :**

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin ind. chinois  
Boîte postale N° 73 — Huế

## PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM

Ông Tế Nam Liên-Khốt đã tái-bản quyển « Phật học Thiên đàm », quyển ấy, tòa soạn chúng tôi đã duyệt y và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiên đàm » xin cứ gởi thơ cho Tòa soạn Viên-Âm, boîte postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiên-dàm

{ 1 quyển 0\$05  
/ 10 quyển 0\$40

VIÊN-ÂM